

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hương Liên

Giảng viên hướng dẫn : TS.Trần Văn Hội

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

TÊN ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Cường

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Hương Liên

Giảng viên hướng dẫn: TS. Trần Văn Hợi

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Hương Liên

Mã SV: 110254

Lớp : QT1105K
toán

Ngành: Kế toán - Kiểm

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Cường.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
 - Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sổ sách, số liệu kế toán của công ty trong năm 2010.

- Hoá đơn chứng từ phát sinh trong năm 2010.

- Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của công ty.

- Và các số liệu tham khảo khác.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nam Cường – Số 200 Cầu Đất –
Ngô Quyền – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Văn Hợi

Học hàm, học vị: Tiến Sĩ Kinh Tế

Cơ quan công tác: Khoa Kế Toán - Học Viện Tài Chính

Nội dung hướng dẫn: Hướng dẫn đề tài tốt nghiệp

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 16 tháng 07 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong nền kinh tế thị trường, kế toán trong các doanh nghiệp được coi là ngôn ngữ kinh doanh, là phương tiện giao tiếp giữa doanh nghiệp với các đối tượng có liên quan với doanh nghiệp. Kế toán cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính hữu ích cho các đối tượng trong việc ra quyết định kinh tế hợp lý và hiệu quả. Trong những năm gần đây, xu hướng toàn cầu hóa, hợp tác phát triển các loại hình doanh nghiệp ở nước ta khá đa dạng và phong phú đã cho phép nhiều nhà đầu tư hoạt động. Vì vậy đòi hỏi thông tin kế toán phải trung thực, lành mạnh và đáng tin cậy nhằm giúp người sử dụng thông tin kế toán đưa ra được các quyết định đúng đắn trong tương lai.

Mặt khác, trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp luôn quan tâm đến chi phí, doanh thu thực hiện được và tối đa hóa lợi nhuận thu được.

Đứng trước xu thế mở cửa hội nhập với kinh tế khu vực và quốc tế, vấn đề cấp bách đặt ra cho các doanh nghiệp là làm thế nào nâng cao năng lực cạnh tranh trong điều kiện thị trường có sự tham gia của các công ty nước ngoài, công ty đa quốc gia. Một trong những biện pháp đó chính là tổ chức thực hiện tốt công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để góp phần thực hiện tốt công tác kế toán trong các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường nói riêng, em đã lựa chọn tham gia nghiên cứu đề tài: **“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường”**.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

- Về mặt thực tế: Mô tả và phân tích thực trạng hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

* Đối tượng nghiên cứu: Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường.

* Phạm vi nghiên cứu:

- Đề tài được thực hiện tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường.

- Việc phân tích được lấy từ số liệu của năm 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Thu thập số liệu tại đơn vị thực tập.

- Phân tích các số liệu ghi chép trên sổ sách của công ty (Sổ cái, Sổ chi tiết, Sổ tổng hợp, Báo cáo tài chính,..).

- Phỏng vấn lãnh đạo công ty.

- Tham khảo một số sách chuyên ngành kế toán và một số văn bản quy định chế độ tài chính hiện hành.

5. Kết cấu khóa luận tốt nghiệp

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận, khóa luận được trình bày trong ba chương:

- Chương I: Lý luận chung về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Chương II: Công tác tổ chức hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường

- Chương III: Một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường.

CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ, KẾT QUẢ KINH DOANH VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1. Vài nét về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:

1.1.1. Doanh thu:

1.1.1.1. Khái niệm:

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu (Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14)

1.1.1.2. Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:

* *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:* Phản ánh doanh thu bán hàng của khối lượng hàng hoá được xác định là đã bán trong mỗi kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam chuẩn mực số 14- Ban hành và công bố theo quyết định số 149/ QĐ- BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ trưởng bộ tài chính: Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đó chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đó thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Với mỗi phương thức bán hàng thì thời điểm ghi nhận doanh thu được quy định khác nhau:

- Với phương thức bán hàng qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm ghi nhận doanh thu là:

- + Bên mua đã nhận hàng, ký xác nhận vào hóa đơn đã nhận đủ hàng.
- + Bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.

- Bán hàng theo phương thức giao thẳng thì thời điểm ghi nhận doanh thu là: doanh nghiệp mua hàng và người cung cấp hàng bán thẳng cho khách hàng không qua kho của doanh nghiệp. Nghiệp vụ mua bán xảy ra đồng thời. Phương thức này chủ yếu áp dụng ở các doanh nghiệp thương mại

- Với phương thức bán lẻ hàng hoá thì thời điểm ghi nhận doanh thu là thời điểm ghi nhận báo cáo bán hàng của nhân viên bán hàng, doanh nghiệp bán các sản phẩm, hàng hóa trực tiếp cho người tiêu dùng và thu tiền ngay.

- Với phương thức đại lý ký gửi: Theo phương thức này, doanh nghiệp xuất kho thành phẩm hàng hóa gửi đi bán cho khách hàng theo hợp đồng ký kết hai bên. Khi hàng xuất kho gửi đi bán thì hàng chưa xác định là tiêu thụ. Hàng gửi bán chỉ hạch toán vào doanh thu khi doanh nghiệp đã nhận được tiền bán hàng do khách hàng trả, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán thì số hàng đó mới chính thức coi là tiêu thụ và doanh nghiệp có quyền ghi nhận doanh thu.

- Bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo phương thức này, khi bán hàng doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán hàng trả ngay, khách hàng được chậm trả tiền hàng và phải chịu phần lãi trả chậm theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng mua bán hàng. Phần lãi trả chậm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi trả chậm, trả góp.

* **Doanh thu tiêu thụ nội bộ:** Phản ánh doanh thu của số sản phẩm hàng hoá dịch vụ trong nội bộ doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ

giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

*** *Doanh thu hoạt động tài chính:*** Phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận chưa chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Cụ thể: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hóa, dịch vụ, lãi cho thuê tài chính, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản, cổ tức, lợi nhuận được chia, thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn, thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng, thu nhập về các hoạt động đầu tư khác, chênh lệch lãi do bán ngoại tệ, khoản lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ.

Doanh thu hoạt động tài chính là tổng giá trị các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan tới hoạt động tài chính.

Thu nhập khác: Phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Gồm:

- Thu về thanh lý TSCĐ, nhượng bán TSCĐ;
- Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- Thu được các khoản nợ phải thu khó đòi xóa sổ tính vào chi phí kỳ trước
- Khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập;
- Thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại;
- Các khoản thu khác.

1.1.1.3. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp

Trong điều kiện kinh doanh hôm nay, để đẩy mạnh bán ra thu hồi nhanh chóng tiền bán hàng, doanh nghiệp cần có chế độ khuyến khích đối với khách hàng. Nếu khách hàng mua với khối lượng hàng hoá lớn sẽ được doanh nghiệp giảm giá, nếu khách hàng thanh toán sớm tiền hàng sẽ được doanh nghiệp chiết khấu, còn nếu hàng hoá doanh nghiệp kém phẩm chất thì khách hàng có thể

không chấp nhận thanh toán hoặc yêu cầu doanh nghiệp giảm giá. Các khoản trên sẽ làm giảm doanh thu.

*** *Chiết khấu thương mại:***

- Chiết khấu thương mại là khoản tiền mà doanh nghiệp giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- Trường hợp người mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hàng mua được hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hoá đơn GTGT” hoặc “Hoá đơn bán hàng” lần cuối cùng.

- Trường hợp người mua hàng mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán

*** *Giảm giá hàng bán:*** Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp nhận trên giá đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán bị kém phẩm chất, không đúng quy cách ... đã ghi trong hợp đồng.

*** *Giá trị hàng bán bị trả lại***

- Hàng bán bị trả lại là số sản phẩm, hàng hoá doanh nghiệp đã xác định tiêu thụ nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

- Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

*** *Thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB), thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng (GTGT) tính theo phương pháp trực tiếp:*** được xác định theo số lượng sản phẩm hàng hoá đo tiêu thụ, giá tính thuế và thuế xuất của từng mặt hàng.

Trong đó:

- Thuế TTĐB: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh.

- Thuế xuất khẩu: là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Số tiền thuế doanh nghiệp phải nộp bằng thuế suất nhân với doanh thu bán hàng của hàng hoá, dịch vụ thuộc diện chịu thuế kinh doanh. Trong doanh thu hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào ngân sách nhà nước.

- Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp: là số thuế tính trên giá trị gia tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đó được xác định trong kỳ.

Doanh thu thuần được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu về hoặc sẽ thu sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, giá trị hàng bán bị trả lại, thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu.

1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp

1.1.2.1. Khái niệm: Chi phí là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành sản xuất kinh doanh trong một kỳ nhất định.

1.1.2.2. Các loại chi phí:

* **Giá vốn hàng bán:** Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên

quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

*** Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

- Chi phí bán hàng: là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm:

+ Chi phí nhân viên bán hàng: Phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... Bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn,...

+ Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, như chi phí đóng gói sản phẩm, hàng hóa, chi phí vật liệu, nhiên liệu dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo quản tài sản cố định... dùng cho bộ phận bán hàng.

+ Chi phí dụng cụ, đồ dùng: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc...

+ Chi phí khấu hao tài sản cố định: Phản ánh chi phí khấu hao tài sản cố định ở bộ phận bảo quản, bán hàng như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

+ Chi phí bảo hành sản phẩm: Phản ánh các khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí bảo hành, sửa chữa công trình xây lắp được phản ánh vào chi phí sản xuất chung, không phản ánh vào chi phí bán hàng.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê ngoài sửa chữa tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho khâu bán hàng, tiền thuê kho, thuê bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu...

+ Chi phí bằng tiền khác: Phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí hội nghị khách hàng, vé cầu phà, chi cho KH.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp(CPQLDN): Là một loại chi phí thời kỳ được tính khi hạch toán lợi tức thường. CPQLDN bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung cho toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung gồm:

+ Các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp(tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...) bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý ở các phòng ban của doanh nghiệp.

+ Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý của doanh nghiệp như văn phòng phẩm, vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa tài sản cố định, công cụ, dụng cụ...(Giá có thuế hoặc chưa có thuế GTGT)

+ Khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải, truyền dẫn, máy móc, thiết bị quản lý dùng trên văn phòng...

+ Thuế, phí và lệ phí: Các chi phí về thuế, phí và lệ phí như tiền thuê đất, thuế môn bài, chi phí bằng tiền khác....

+ Chi phí dự phòng: Phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác QLDN, các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế...(Không đủ tiêu chuẩn ghi nhận tài sản cố định) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào CPQLDN, tiền thuê tài sản cố định, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

+ Chi phí bằng tiền khác; Phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ...

* **Chi phí hoạt động tài chính:** Phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán.... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ....

* **Chi phí khác:** Phản ánh những khoản phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với các hoạt động thông thường của các doanh nghiệp. Bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán tài sản cố định (nếu có), chênh lệch do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế, các khoản chi phí khác....

* **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:**

Bao gồm: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:

Kết quả hoạt động kinh doanh là biểu hiện số tiền lãi, lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá vốn hàng bán

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh là số chênh lệch giữa lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính với chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác với chi phí khác

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh với lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(Lợi nhuận ròng hay lãi ròng): là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính, kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và giá trị vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính; Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và chi phí tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hoá theo chỉ tiêu, số lượng, chủng loại và giá trị.

- Phản ánh ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản phải thu, các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp để cuối kỳ tập hợp doanh thu, đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu khách hàng

- Theo dõi thường xuyên, liên tục tình hình biến động tăng, giảm các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính, doanh thu hoạt động bất thường.

- Theo dõi chi tiết, riêng biệt theo từng loại doanh thu, kể cả doanh thu nội bộ nhằm phản ánh kịp thời, chi tiết, đầy đủ kết quả kinh doanh làm căn cứ lập báo cáo.

- Phản ánh chính xác kết quả của từng hoạt động giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

- Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính, định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- Xác lập được quá trình luân chuyển chứng từ về kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

- Phản ánh đầy đủ, kịp thời, chi tiết tình hình tiêu thụ ở tất cả các trạng thái như hàng đang đi đường, hàng tồn kho, hàng gửi bán,...

- Xác định đúng thời điểm hàng hóa được coi là tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ để kịp thời lập báo cáo tiêu thụ, phản ánh doanh thu, báo cáo thường xuyên tình hình tiêu thụ và thanh toán chi tiết theo từng loại hàng hóa, từng hợp đồng kinh tế.

- Xác định và tập hợp đầy đủ giá vốn, chi phí bán hàng, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch về doanh thu, lợi nhuận. Từ đó đưa ra những kiến nghị, biện pháp nhằm hoàn thiện việc tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh, cung cấp cho ban lãnh đạo để có những việc làm cụ thể phù hợp với thị trường.

1.3. Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh

1.3.1. Kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu

1.3.1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Thẻ thanh toán hàng đại lý, ký gửi;
- Thẻ quầy hàng;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu xuất kho....

*** Tài khoản sử dụng.**

- Tài khoản 511: “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh từ các giao dịch và các nghiệp vụ.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 511 có 5 tiểu khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- + Tài khoản 5112: Doanh thu bán các thành phẩm
- + Tài khoản 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- + Tài khoản 5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá.
- + Tài khoản 5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản
- + Tài khoản 5118: Doanh thu khác

- ***Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”***

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu của số sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong nội bộ của doanh nghiệp. Doanh thu tiêu thụ nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá nội bộ.

Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.

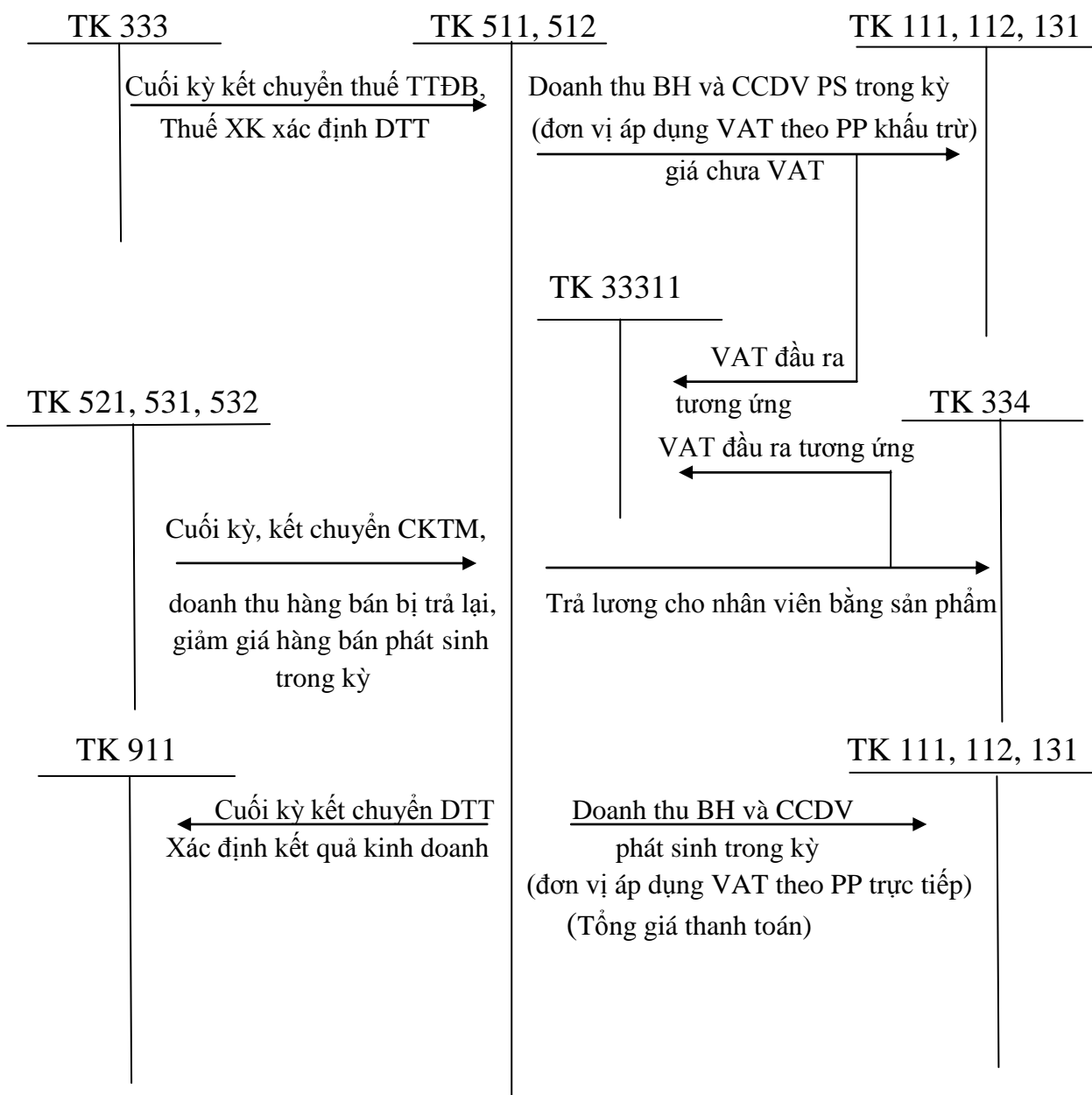
Tài khoản 512 có 3 tiểu khoản cấp 2:

- + Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hoá.
- + Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm;
- + Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ;

**** Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ được thể hiện qua sơ đồ 1.1 như sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán các khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu nội bộ



1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu*** Chứng từ sử dụng.**

- Hoá đơn giá trị gia tăng; hoá đơn bán hàng thông thường
- Hợp đồng mua bán;
- Các chứng từ thanh toán như: Phiếu thu, phiếu chi, séc chuyển khoản, séc thanh toán, uỷ nhiệm thu, giấy báo có của ngân hàng;
- Các chứng từ liên quan như: Phiếu nhập kho hàng bị trả lại ...

*** Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 521 “chiết khấu thương mại”(CKTM):** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản chiết khấu thương mại mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do người mua hàng đã mua hàng, dịch vụ với khối lượng lớn và theo thoả thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại.

Tài khoản 521 không có số dư

- **Tài khoản 531 “hàng bán bị trả lại”:** Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hoá bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách

Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 532 “giảm giá hàng bán”:** Tài khoản này dùng để phản ánh khoản giảm giá hàng bán thực tế phát sinh và việc xử lý khoản giảm giá hàng bán trong kỳ kế toán.

Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ

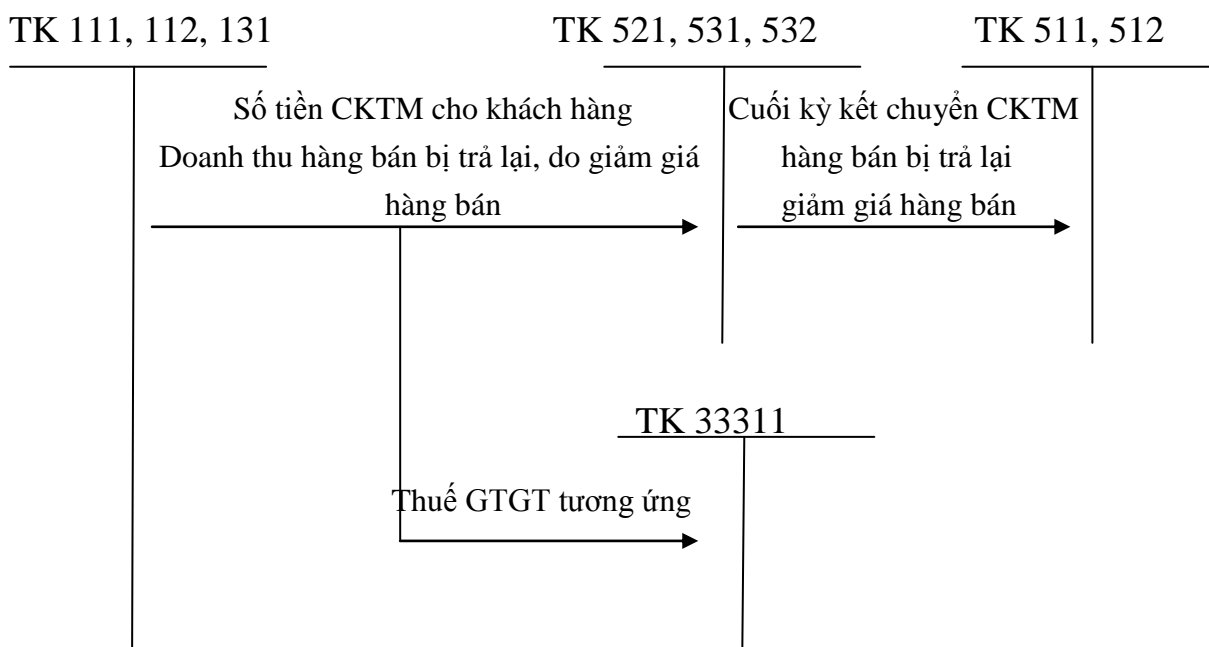
- Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt và kế toán xuất nhập khẩu. Sử dụng các tài khoản sau:

- + Tài khoản 3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt;
- + Tài khoản 3333: Thuế xuất, nhập khẩu;

*** Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu;**

Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua sơ đồ 1.2 như sau:

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.3.2. Kế toán chi phí

1.3.2.1. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán:

*** Chứng từ sử dụng:**

Trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc nhập, xuất hàng hoá đều phải lập chứng từ đầy đủ, kịp thời, đúng chế độ quy định. Những chứng từ này có cơ sở pháp lý để tiến hành hạch toán nhập, xuất kho hàng, là cơ sở của việc kiểm tra tính cần thiết và hợp lý của chứng từ. Các chứng từ chủ yếu được sử dụng là:

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 01- VT)
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03- VT)
- Hoá đơn bán hàng thông thường (Mẫu 01 GTGT- 322)

Để theo dõi giá vốn hàng bán chứng từ ban đầu là phiếu xuất kho, khi xuất hàng hoá kế toán phải lập phiếu xuất kho làm căn cứ để xuất hàng hoá,

đồng thời là cơ sở vào sổ chi tiết hàng hoá. Khi bán hàng, cửa hàng lập bộ chứng từ gồm phiếu xuất kho, hoá đơn GTGT, phiếu thu và ghi nhận giá vốn hàng bán qua tài khoản 632. Cuối tháng, kế toán tổng hợp giá vốn hàng bán toàn công ty, dùng bảng tổng hợp hàng hoá để lập báo cáo bán hàng

*** Tài khoản sử dụng:**

a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Nội dung kết cấu của tài khoản

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”: Là giá trị phản ánh số giá trị vốn của hàng hoá xuất bán trong kỳ

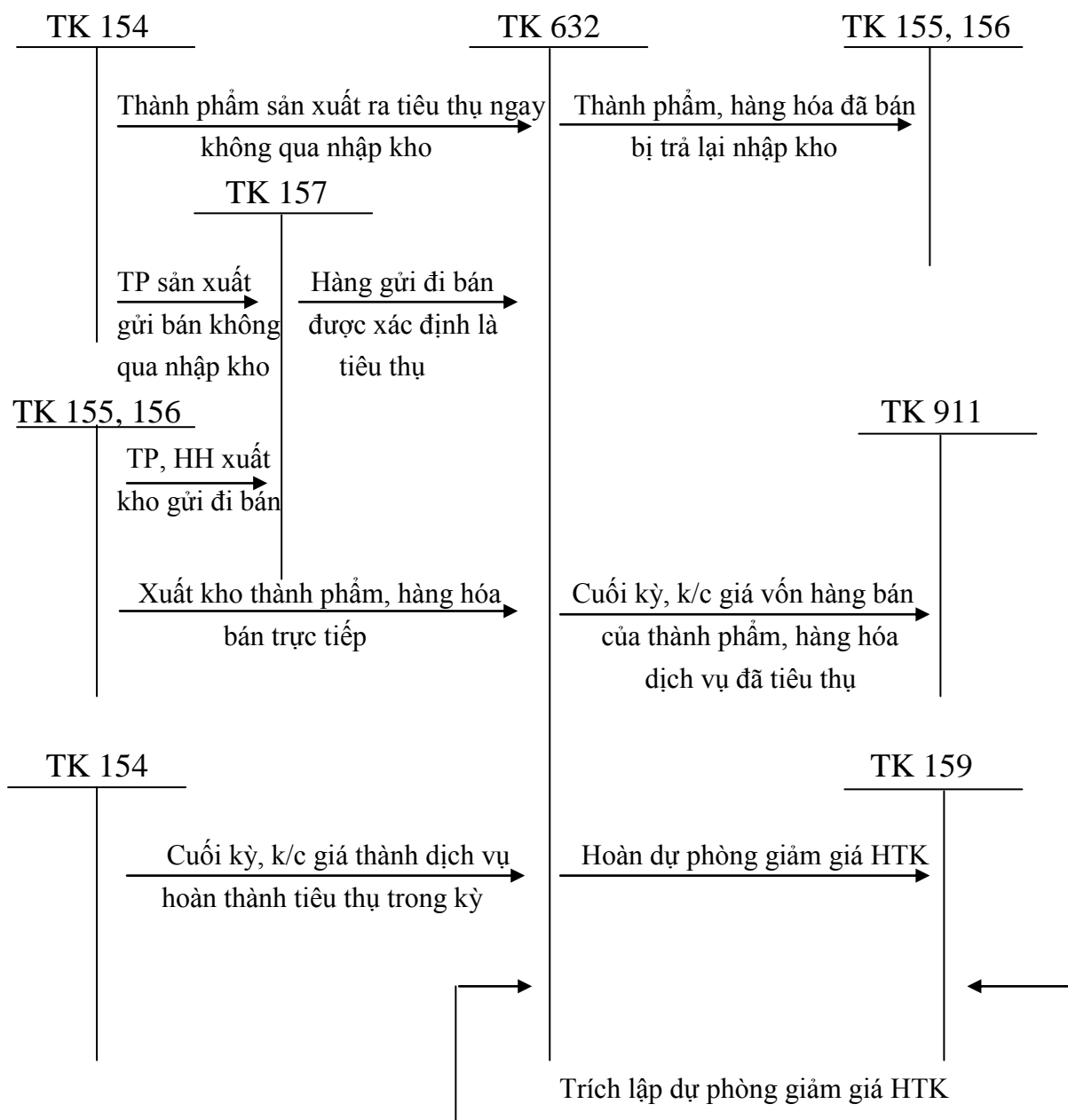
- Kết cấu nội dung tài khoản 632:

Tài khoản 632 không có số dư

- Các tài khoản khác liên quan: Tài khoản 155, 156, 157, 159, 911
- Trình tự hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.3 như sau:

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên



b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ

- Nội dung kết cấu tài khoản sử dụng

Tài khoản 611 “mua hàng”: tài khoản này phản ánh giá trị vốn thực tế của hàng hoá tăng giảm trong kỳ. Tài khoản 611 có 2 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6111: mua nguyên vật liệu

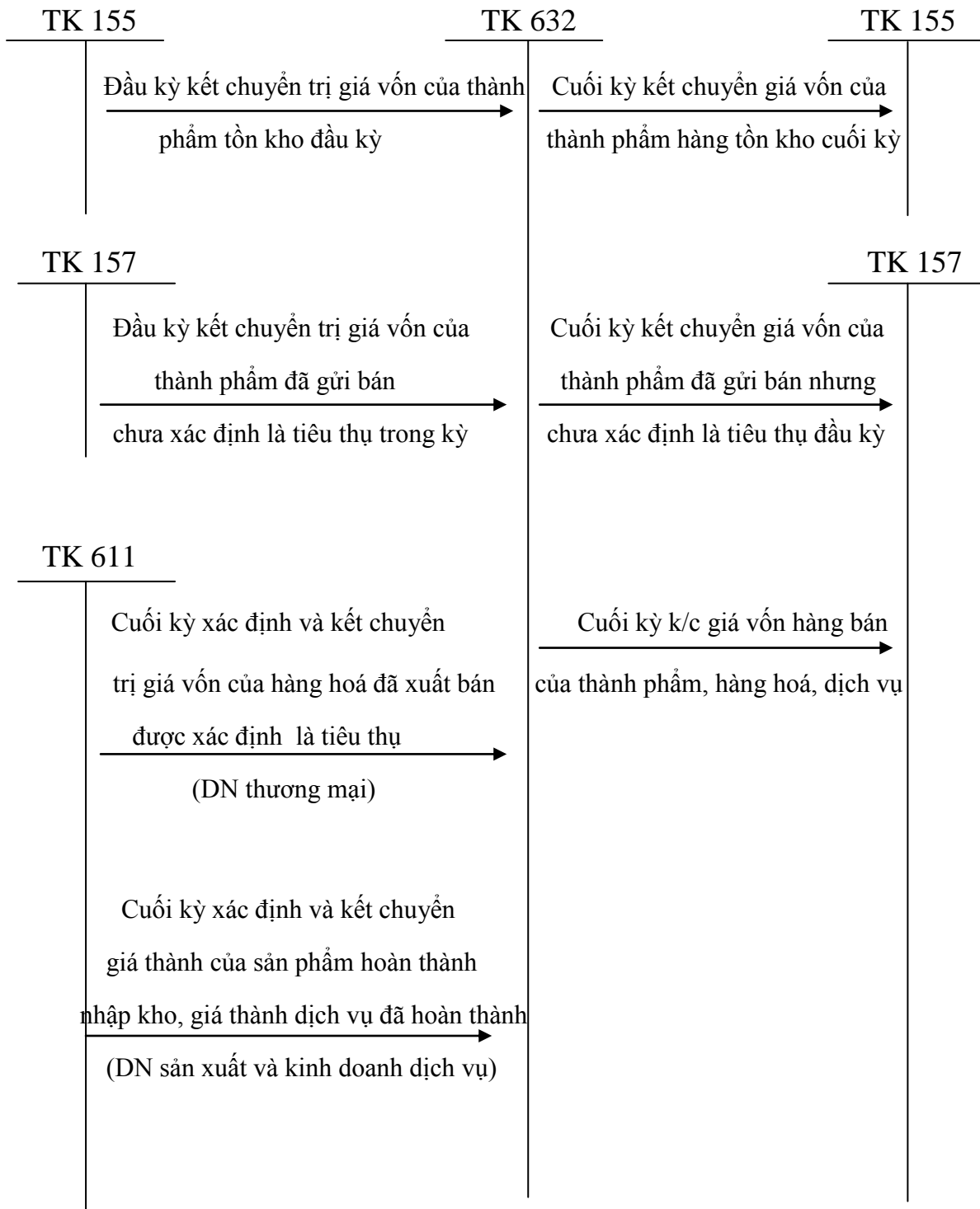
- + Tài khoản 6112: mua hàng hoá;

Tài khoản 631: “giá thành sản xuất”.

- Trình tự hạch toán:

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:

Sơ đồ 1.4: Kế toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.3.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp*** Chứng từ sử dụng:**

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11-LĐTL);
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06-TSCĐ)
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu- công cụ dụng cụ (Mẫu số 07-VT);
- Hoá đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT-3LL);
- Phiếu chi (Mẫu số 02-TT)
- Giấy báo nợ của ngân hàng;

*** Tài khoản sử dụng tài khoản 641**

Tài khoản 641 không có số dư và gồm có 7 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6411: Chi phí nhân viên;
- + Tài khoản 6412: Chi phí vật liệu bao bì;
- + Tài khoản 6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng;
- + Tài khoản 6414: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6415: Chi phí bảo hành;
- + Tài khoản 6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6418; Chi phí bằng tiền khác

*** Tài khoản sử dụng tài khoản 642:**

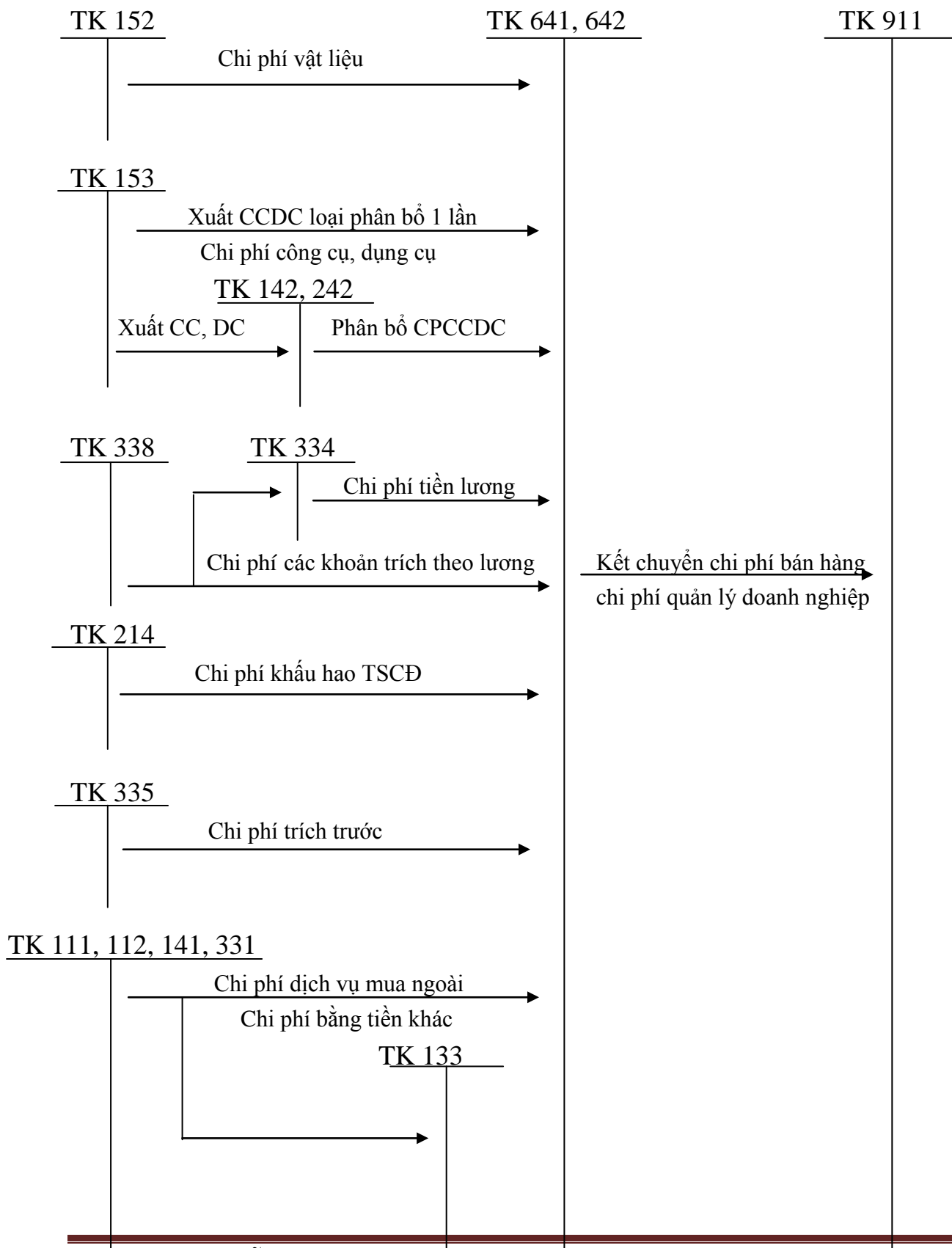
Tài khoản 642 không có số dư và gồm có 8 tài khoản cấp 2:

- + Tài khoản 6421: Chi phí nhân viên quản lý;
- + Tài khoản 6422: Chi phí vật liệu quản lý;
- + Tài khoản 6423: Chi phí đồ dùng văn phòng;
- + Tài khoản 6424: Chi phí khấu hao tài sản cố định;
- + Tài khoản 6425: Thuế, phí và lệ phí;
- + Tài khoản 6426: Chi phí dự phòng;
- + Tài khoản 6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài;
- + Tài khoản 6428: Chi phí bằng tiền khác;

*** Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp



1.3.2.3. Tổ chức công tác doanh thu tài chính và chi phí tài chính*** Chứng từ sử dụng:**

- Giấy báo Có, báo Nợ của ngân hàng;
- Hóa đơn GTGT;
- Phiếu thu, phiếu chi;
- Các hợp đồng vay vốn;
- Các chứng từ liên quan khác;

*** Tài khoản sử dụng**

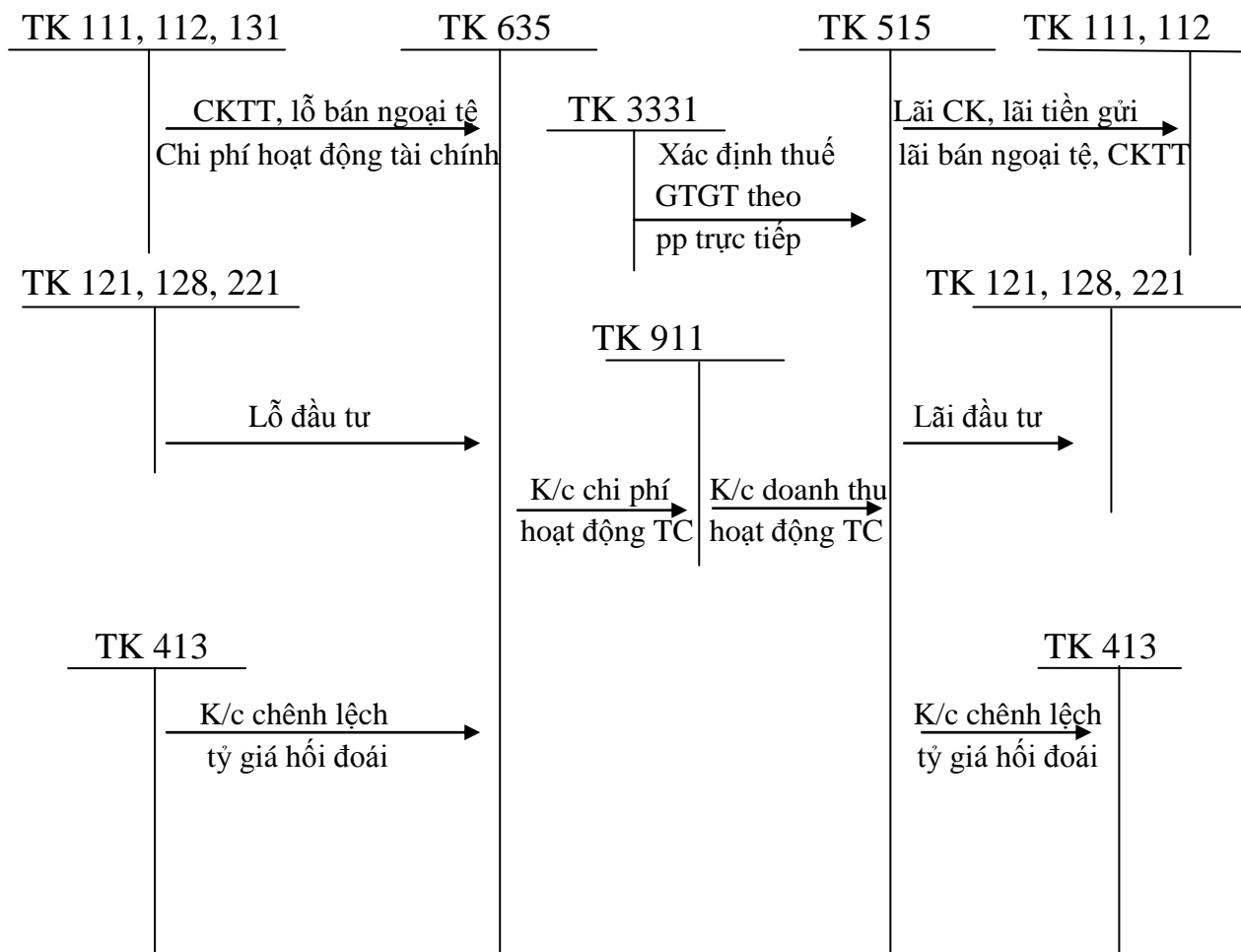
- **Tài khoản 515(Doanh thu tài chính):** Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Tài khoản 515 không có số dư;

- **Tài khoản 635(Chi phí tài chính):** tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính.

* **Phương pháp hạch toán:** Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua sơ đồ 1.6 như sau:

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính



1.3.2.4. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác

* **Chứng từ sử dụng**

- Hoá đơn giá trị gia tăng;
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, phiếu chi, uỷ nhiệm chi, uỷ nhiệm thu, giấy báo Có của ngân hàng...
- Các chứng từ liên quan khác: Biên bản thanh lý tài sản, hợp đồng kinh tế...

* **Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 711(Thu nhập khác)**

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

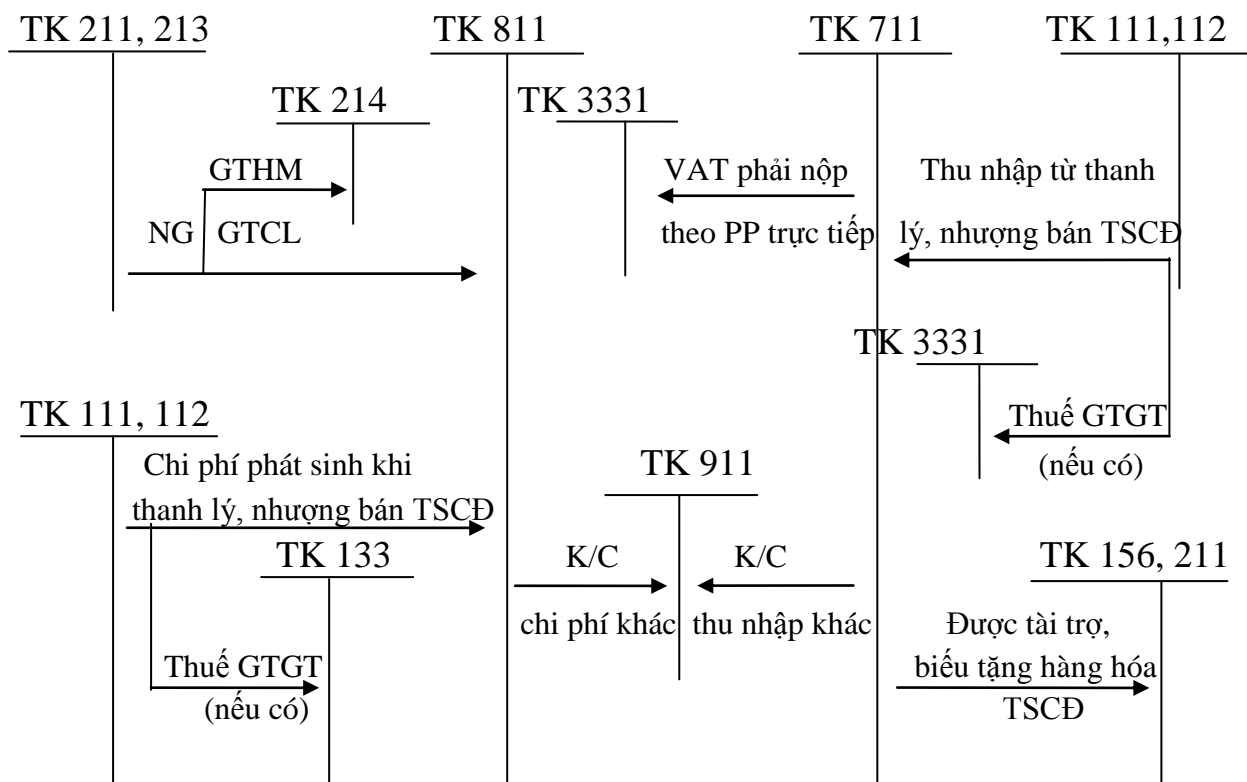
- **Tài khoản 811(Chi phí khác): Nội dung kết cấu tài khoản 811**

Tài khoản này không có số dư cuối kỳ

*** Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán thu nhập và chi phí hoạt động khác được thể hiện qua sơ đồ 1.7 như sau:

Sơ đồ 1.7: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động khác



1.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

*** Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán.

*** Tài khoản sử dụng**

- **Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”:** Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

- Cách xác định kết quả hoạt động kinh doanh:

$$\text{Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Các khoản giảm trừ doanh thu}$$

$$\text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} = \text{Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ} - \text{Giá vốn hàng bán}$$

$$\text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} = \text{Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ} + \text{Doanh thu hoạt động tài chính} - \text{Chi phí tài chính} - \text{Chi phí quản lý doanh nghiệp} - \text{Chi phí bán hàng}$$

$$\text{Lợi nhuận khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác}$$

$$\text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} = \text{Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh} + \text{Lợi nhuận khác}$$

$$\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp} = \text{Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế} - \text{Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp}$$

- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.

Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

Tài khoản 421(Lợi nhuận chưa phân phối) có 2 tài khoản cấp 2:

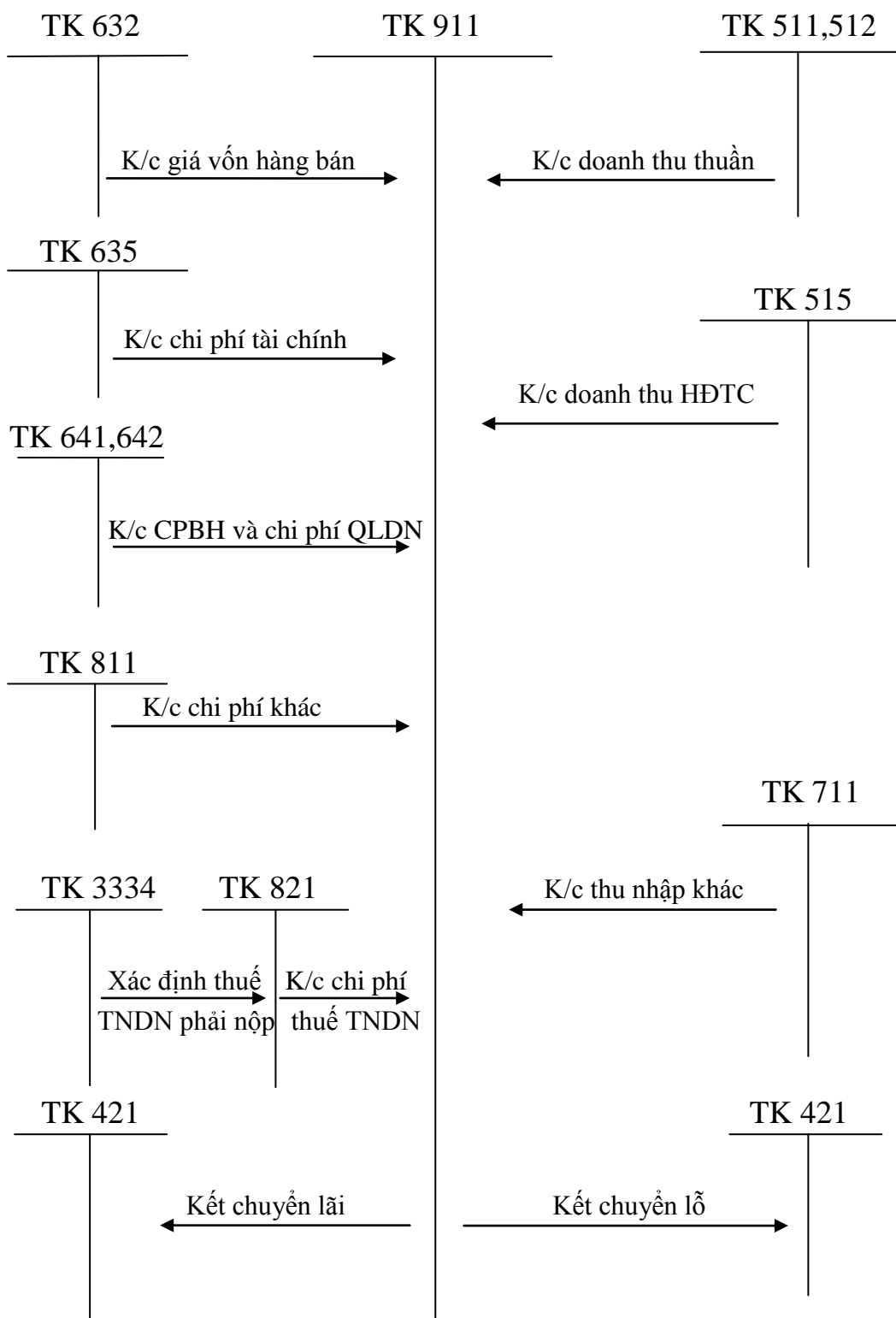
+ *Tài khoản 4211 - Lợi nhuận chưa phân phối năm trước:* Phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc năm trước. Tài khoản 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện. Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “Lợi nhuận chưa phân phối năm nay” sang TK 4211 “Lợi nhuận chưa phân phối năm trước”.

+ *Tài khoản 4212 - Lợi nhuận chưa phân phối năm nay:* Phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ năm nay.

Phương pháp hạch toán

Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh



- **TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.**

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

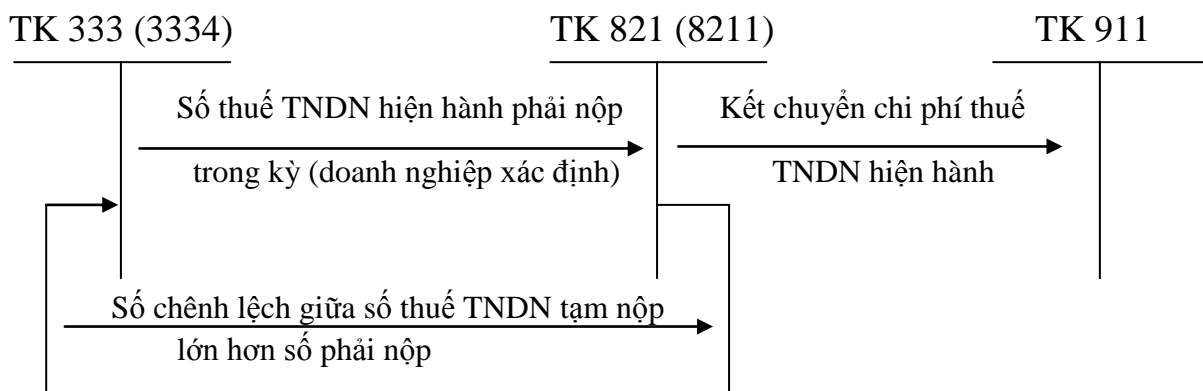
Tài khoản 821 - “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp” không có số dư cuối kỳ.

Tài khoản 821 (Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp) có 2 tài khoản cấp 2:

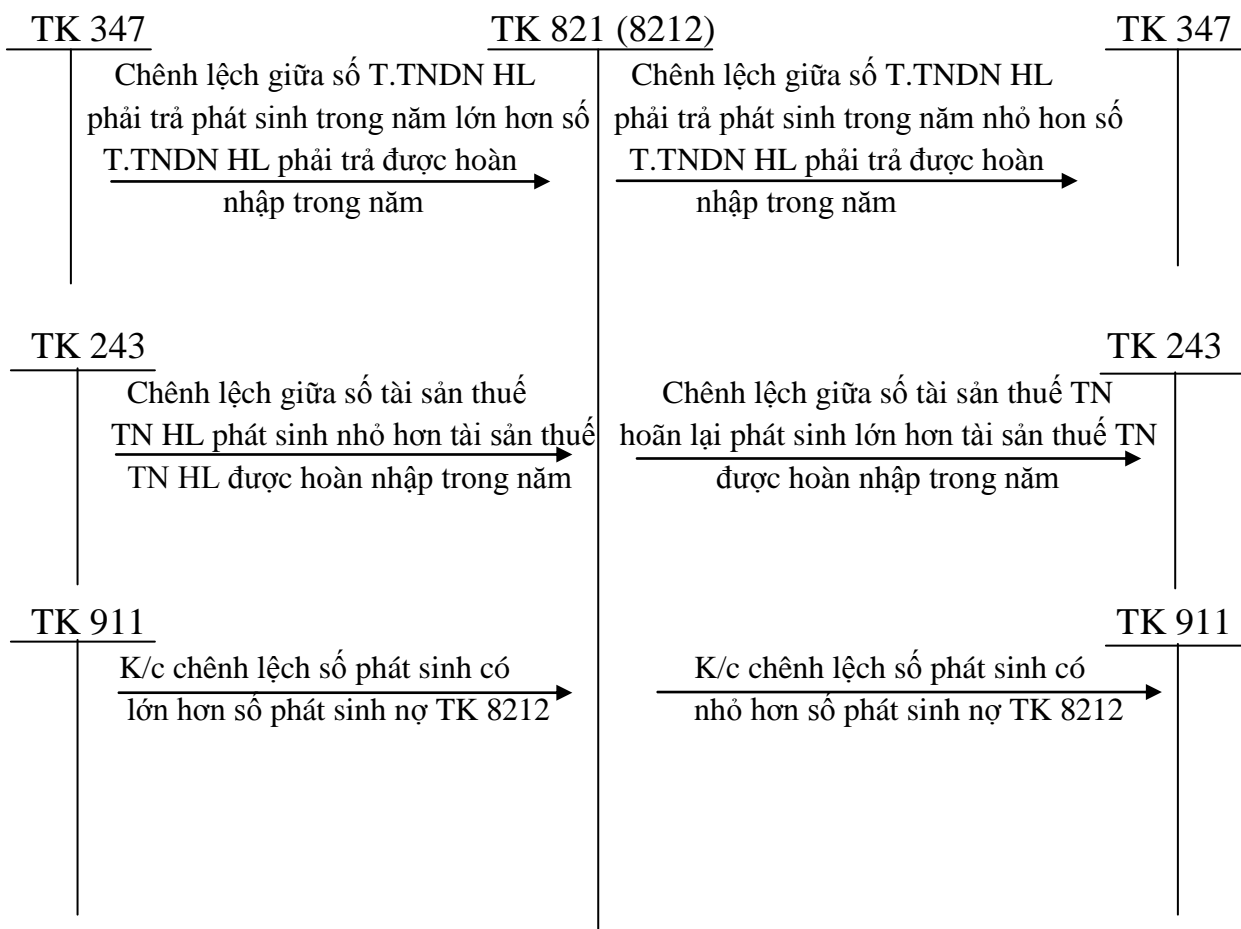
+ *Tài khoản 8211 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*

+ *Tài khoản 8212 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Sơ đồ 1.9: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.



Sơ đồ 1.10: Hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.



CHƯƠNG II: CÔNG TÁC TỔ CHỨC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM CƯỜNG

2.1. Khái quát chung về công ty:

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường được thành lập theo giấy phép 0202003246 ngày 23 tháng 02 năm 2006 của Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh - dịch vụ công nghệ thông tin.

Tên doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Nam Cường

Tên giao dịch tiếng Anh: Nam Cuong Trading Service Limited Company.

Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên

Địa chỉ: Số 200 Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 031.3592423 - 031.6260233

Fax: 031.3592423

MST: 0200658822

*** Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động:**

- Thuận lợi:

Công ty TNHH TM DV Nam Cường là một đơn vị kinh doanh với đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm và yêu nghề. Đó là cơ sở rất thuận lợi cho ban lãnh đạo đưa ra các biện pháp bố trí bộ máy lao động trong Công ty một cách hợp lý và tối ưu nhất. Các phòng ban được sắp xếp rất gọn nhẹ nhưng vẫn

đảm bảo và đáp ứng nhu cầu về sự chính xác và hoàn thành tốt các nhiệm vụ, chức năng.

Với cơ cấu bộ máy kế toán gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả đã cung cấp các thông tin kế toán một cách kịp thời, chính xác và đầy đủ, hữu ích cho các đối tượng sử dụng thông tin, đặc biệt là Ban giám đốc: Đảm bảo được thông tin do kế toán cung cấp sẽ là cơ sở để Ban giám đốc Công ty biết được tình hình sử dụng các loại tài sản, lao động vật tư, tiền vốn, tình hình chi phí và kết quả của hoạt động kinh doanh nhằm phục vụ cho việc điều hành, quản lý kịp thời cũng như việc phân tích đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Từ đó đưa ra các biện pháp, quyết định phù hợp về phương hướng hoạt động và phát triển của Công ty TNHH TM DV Nam Cường.

Công ty vận dụng hình thức Nhật ký chung linh hoạt, các chứng từ cũng được vận dụng đầy đủ, các tài khoản vận dụng một cách phù hợp. Công ty đã mạnh dạn vi tính hoá kết hợp kế toán thủ công với ứng dụng excell trong việc ghi chép sổ sách, tính toán, tổng hợp số liệu. Khối lượng công việc kế toán đơn giản hơn, nhanh hơn, hiệu quả hơn...

- *Khó khăn:*

Bên cạnh mặt mạnh Công ty cũng còn một số tồn tại trong công tác kế toán. Công ty kinh doanh mặt hàng máy vi tính, máy văn phòng nhanh bị lỗi thời cho nên một số mặt hàng tồn kho còn ứ đọng nhiều... Công tác bán hàng chưa thúc đẩy được kết quả hoạt động kinh doanh có hiệu quả cao.

Ngoài ra, sự cạnh tranh của các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt cũng là trở ngại cho công ty.

*** Những thành tích cơ bản mà công ty đã đạt được trong những năm qua:**

Kết quả đạt được trong những năm 2008, 2009, 2010 như sau:

- Về biến động của tài sản và nguồn vốn tại công ty (ĐVT: Đồng):

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Tài sản			
A. Tài sản ngắn hạn	5.809.323	6.619.102	1.079.524
Tổng tài sản	5.809.323	6.619.102	1.079.524
Nguồn vốn			
A. Nợ phải trả	-	18.489.258	28.083.523
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	406.986.318	565.075.936	1.327.551.572
Tổng cộng nguồn vốn	406.986.318	583.565.194	1.355.635.095

Bảng 2.1. Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn trong các năm 2008, 2009, 2010

Nhìn vào bảng trên ta có thể nhận xét như sau: Tổng tài sản và nguồn vốn của công ty có xu hướng tăng, điều này chứng tỏ cơ sở vật chất của công ty đã được tăng cường, quy mô và năng lực sản xuất đã được mở rộng, sự gia tăng này sẽ tạo ra nguồn lợi tức trong dài hạn cho công ty.

- Về sự biến động doanh thu (ĐVT: đồng):

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	1.006.918.776	814.246.221	1.233.585.294
Lợi nhuận sau thuế	27.941.972	28.089.618	42.475.636

Bảng 2.2. Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2008, 2009, 2010

Qua bảng trên ta thấy lợi nhuận của công ty đạt được trong năm tương đối ổn định, việc kinh doanh công ty có hiệu quả.

2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:

Lực lượng lao động của Công ty với số lượng khiêm tốn. Tổng lao động của toàn Công ty là 15 công nhân viên. Với số lượng tuy ít ỏi nhưng anh chị em công nhân viên có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, thực hiện tốt các quy định nội quy của Công ty, cùng nhau giúp Công ty đi lên.

Với xu hướng xã hội hóa ngày càng cao, khoa học công nghệ phát triển, đời sống con người được cải thiện, nhu cầu của con người ngày càng cao hơn, trong đó nhu cầu tự phát triển được đặt lên hàng đầu. Nắm bắt được tâm lý xã hội ngày nay Công ty TNHH TM DV Nam Cường đã kinh doanh các mặt hàng đáp ứng yêu cầu tiêu dùng trên thị trường. Các mặt hàng kinh doanh gồm có:

- Cung cấp lắp đặt, bảo trì, sửa chữa máy vi tính, máy văn phòng, thiết bị điện tử – Viễn thông, thiết bị nghe nhìn..
- Tư vấn, thiết kế mạng máy tính.
- Cung cấp, mua bán phần mềm thông tin, tin học.
- Kinh doanh văn phòng phẩm.
- Dịch vụ tư vấn tài chính, kế toán.
- Dịch vụ xuất nhập khẩu.
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, hành khách thuỷ bộ.

Sắp tới Công ty TNHH TM DV Nam Cường sẽ phấn đấu bám sát thị trường đẩy mạnh hoạt động kinh doanh, tiến hành xây dựng thêm cơ sở vật chất, với đội ngũ cán bộ cao cho kinh doanh. Chiếm lĩnh thị trường, tăng thu nhập cho cán bộ công nhân của Công ty TNHH TMDV Nam Cường.

Qua sơ đồ ta thấy chức năng các phòng ban như sau:

- Giám đốc: là người đại diện pháp lý trước pháp luật đối với toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đối với cán bộ công nhân viên công ty, tổ chức lãnh đạo chung toàn công ty.

- Phó giám đốc: Tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty, trực tiếp chỉ đạo các bộ phận trong công ty.

- Phòng kế toán: Là phòng quan trọng giúp cho Công ty thấy được kết quả của hoạt động kinh doanh, là nơi kiểm tra các số liệu chứng từ cho việc ghi chép vào sổ sách có liên quan một cách chính xác và hạch toán kết quả kinh doanh, chấp hành thể lệ tài chính làm báo cáo quyết toán trong từng thời kỳ. Đồng thời là phòng tài chính tiền lương cho toàn Công ty. Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty, tính toán và trích lập đầy đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

- Phòng kế hoạch: Xây dựng kế hoạch kinh doanh ngắn hạn và dài hạn của công ty. Trên cơ sở kế hoạch của các phòng, của các đơn vị thành viên tổng hợp và xây dựng kế hoạch tổng thể của công ty.

- Phòng Kỹ thuật: Chuyên có các chuyên viên kỹ thuật kiểm tra, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng, lắp ráp máy vi tính, máy văn phòng.

- Phòng kinh doanh: Chuyên kinh doanh, tiếp thị ra thị trường các mặt hàng hoá như máy vi tính, máy văn phòng để đạt được doanh thu cao nhất cho Công ty.

Tóm lại, các phòng ban đều có chức năng, nhiệm vụ riêng và bổ trợ cho nhau, đảm bảo tính thống nhất trong các quyết định, dễ quy trách nhiệm khi xảy ra sai lầm, tính chuyên môn hóa cao do đó chất lượng quản lý cao. Các bộ phận chức năng không chỉ làm nhiệm vụ tham mưu cho lãnh đạo cao nhất mà khi

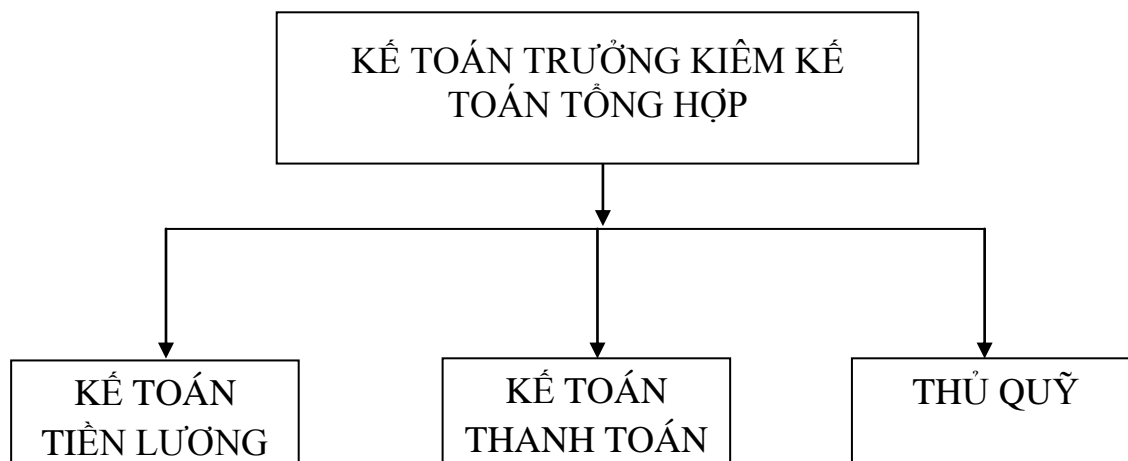
quyết định được triển khai thực hiện họ hướng dẫn cho các bộ phận trực thuộc theo chức năng của mình. Tất cả điều nhằm giúp Giám đốc triển khai công việc và chỉ đạo Công ty hoạt động tốt hơn.

Có thể nói rằng cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH TM DV Nam Cường là một bộ máy quản lý gọn nhẹ, năng động, nhạy bén với thị trường.

2.1.4. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:

Công tác kế toán do một bộ phận chuyên trách đảm nhận gọi là phòng kế toán. Trong phòng kế toán trưởng quản lý và điều hành trực tiếp các kế toán viên. Các nhân viên kế toán có trách nhiệm hạch toán chi tiết, hạch toán tổng hợp, làm báo cáo kế toán đồng thời phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán tại công ty. Đồng thời là phòng tài chính tiền lương cho toàn Công ty. Tham mưu cho giám đốc về mặt tài chính kế toán, tổ chức quản lý các nguồn vốn, hạch toán kế toán đúng chế độ, đảm bảo vốn để đơn vị hoạt động liên tục và có hiệu quả, chỉ đạo công tác kế toán tại công ty. Lưu trữ hồ sơ và các chứng từ gốc liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế của công ty, tính toán và trích lập đầy đủ, đúng hạn các khoản nộp ngân sách Nhà nước.

*** Mô hình tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:**

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường

* Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp:

- Phụ trách, chỉ đạo toàn diện công tác kế toán của Công ty.
- Là kiểm soát viên kinh tế tài chính.
- Phân tích, cung cấp thông tin kinh tế tài chính cho Giám đốc Công ty, là người chịu trách nhiệm chính cao nhất trước Giám đốc Công ty và pháp luật về những số liệu báo cáo kế toán.

- Là kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp nên kế toán trưởng theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn kho sản phẩm và giá trị. Tính doanh thu bán hàng, các khoản giảm trừ doanh thu và tính các khoản phải thu, phải trả nhà cung cấp và khách hàng của Công ty.

* Kế toán tiền lương:

- Là người trực tiếp chấm công để tính thu nhập cho từng công nhân viên trong Công ty.

- Lập bảng thanh toán tiền lương cho từng bộ phận, phòng ban trong Công ty.

- Tính và trích các khoản phải nộp theo lương.

* Kế toán thanh toán, thủ kho:

- Lập các phiếu nhập kho, xuất kho hàng hoá
- Theo dõi tình hình thu, chi tiền mặt.
- Theo dõi các khoản phải thu, phải trả và tình hình thanh toán các khoản công nợ của Công ty.

*** Thủ quỹ:**

- Là người trực tiếp quản lý, bảo quản tiền mặt.
- Chịu trách nhiệm thực hiện và theo dõi các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt.
- Kiểm kê, lập sổ quỹ theo quy định.
- Bảo quản, lưu trữ các chứng từ gốc, cung cấp dữ liệu cho kế toán thanh toán ghi sổ.

*** Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán:**

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường tổ chức và vận dụng hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

*** Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán**

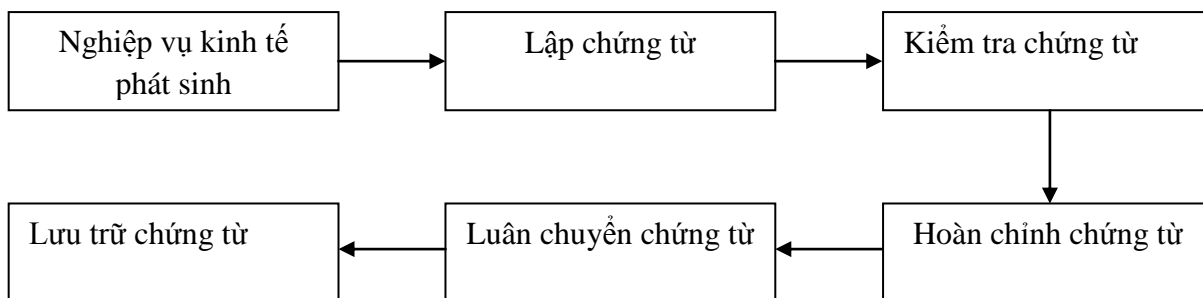
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường tổ chức và vận dụng hệ thống tài khoản kế toán ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

*** Hình thức tổ chức hệ thống sổ kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:**

Hình thức kế toán được công ty áp dụng là: *Nhật ký chung*.

Niên độ kế toán: Từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12.

Chu trình kế toán được tổ chức chặt chẽ theo các bước sau:



**Sơ đồ 2.3. Chu trình kế toán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ
Nam Cường**

- *Kiểm tra chứng từ*: Xác minh chứng từ về tính hợp pháp, hợp lệ, trung thực, đúng chế độ kế toán.

- *Hoàn chỉnh chứng từ*: Ghi chép nội dung nghiệp vụ kinh tế phát sinh như số tiền, số thực xuất... tổng hợp số liệu, lập và định khoản kế toán.

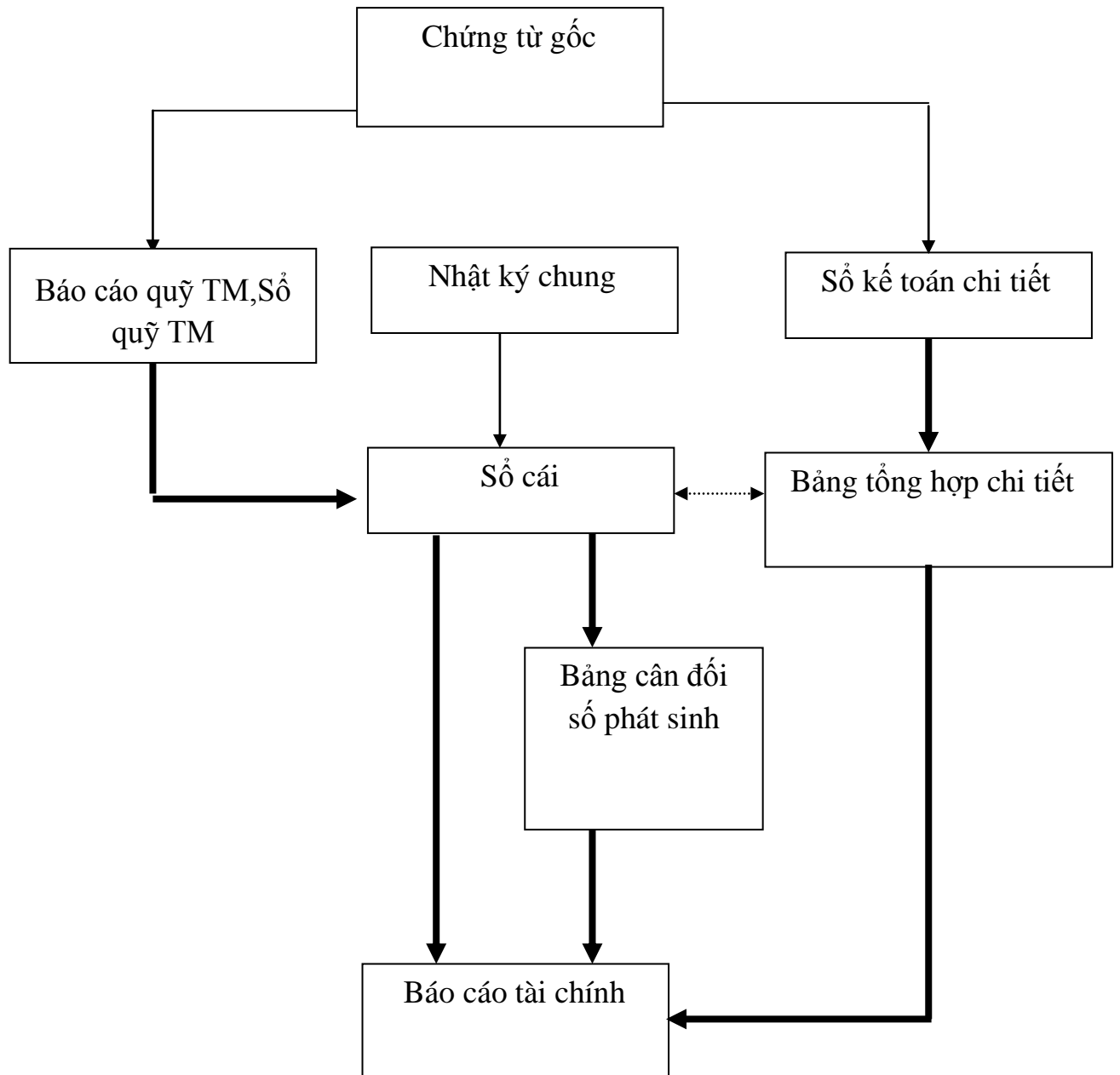
- *Luân chuyển chứng từ*: Tùy theo tính chất nội dung cả từng loại chứng từ luân chuyển vào các bộ phận được quy định để làm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết kịp thời, chính xác

- *Lưu trữ chứng từ*: Bộ phận kế toán có trách nhiệm tổ chức bảo quản, lưu trữ đầy đủ có hệ thống và khoa học theo đúng quy định.

Đặc điểm chủ yếu của hình thức kế toán **Nhật ký chung** là tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh phản ánh ở chứng từ gốc đều được ghi chép theo trình tự thời gian và theo quan hệ đối ứng tài khoản vào sổ Nhật ký chung, sau đó từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái tài khoản, từ sổ cái các tài khoản, bảng tổng hợp chi tiết lập báo cáo kế toán.

Sơ đồ 2.4:

TRÌNH TỰ GHI SỔ KẾ TOÁN THEO HÌNH THỨC NHẬT KÝ CHUNG



Ghi chú:

- Ghi hằng ngày (định kỳ)
- ➔ Ghi định kỳ
- ↔ Đối chiếu, kiểm tra

*** Chính sách kế toán:**

- Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng
- Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006
- Công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, hàng tháng công ty phải nộp tờ khai thuế cho Chi cục thuế Quận Ngô Quyền.
- Công ty nhận hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.
- Hàng quý công ty phải lập tờ khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Vào cuối năm công ty lập quyết toán thuế GTGT, thuế TNDN theo quy định của Tổng cục thuế.

Trình tự ghi sổ kế toán như sau:

1. Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ gốc ghi vào sổ nhật ký chung, sổ thẻ kế toán chi tiết.
2. Hàng ngày, từ nhật ký chung, sổ kế toán chi tiết vào sổ cái các tài khoản.
3. Tổng hợp các tài khoản chi tiết, lập bảng tổng hợp chi tiết.
4. Khóa sổ kế toán, lập bảng cân đối số phát sinh.
5. Lập báo cáo kế toán:
 - Bảng cân đối kế toán(Mẫu B01-DN)
 - Bảng báo cáo kết quả kinh doanh(Mẫu B02-DN)
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ(Mẫu B03-DN)
 - Thuyết minh báo cáo tài chính. (Mẫu B04-DN)

2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:

2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:

*** Nội dung doanh thu tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường**

- Doanh thu chủ yếu của công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường là từ việc cung cấp lĩnh vực kinh doanh - dịch vụ công nghệ thông tin.

- Phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu:

+ Phương thức bán lẻ: Chi nhánh sẽ giao hàng tới các khách hàng mua với số lượng ít và thông thường đó là những khách hàng vắng lại.

+ Phương thức bán buôn: Với phương thức này chi nhánh thường giao trực tiếp cho các đại lý - những khách hàng quen thuộc của chi nhánh

- Phương thức thanh toán:

+ Phương thức thanh toán trả tiền ngay: Bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng được áp dụng với hầu hết mọi đối tượng khách hàng để đảm bảo vốn thu hồi nhanh, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.

Đối với phương thức thanh toán bằng tiền mặt. Hàng ngày, khi phát sinh nghiệp vụ bán hàng, kế toán viết hoá đơn GTGT.

Hoá đơn giá trị gia tăng hàng bán ra gồm 3 liên:

+ Liên 1: Màu tím được lưu lại quyền hoá đơn.

+ Liên 2: Màu đỏ giao cho khách hàng.

+ Liên 3: Màu xanh luân chuyển trong công ty để ghi sổ kế toán.

Khi khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, kế toán viết Phiếu thu, phiếu thu viết làm 3 liên, đặt giấy than viết 1 lần, liên 1 để lưu, liên 2 giao khách hàng, liên 3 giao cho thủ quỹ.

Đối với phương thức thanh toán qua ngân hàng. Khi nghiệp vụ kinh tế phát sinh, kế toán nhận được giấy báo có kèm theo Sổ phụ của ngân hàng và tiến hành ghi nhận doanh thu, đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng.

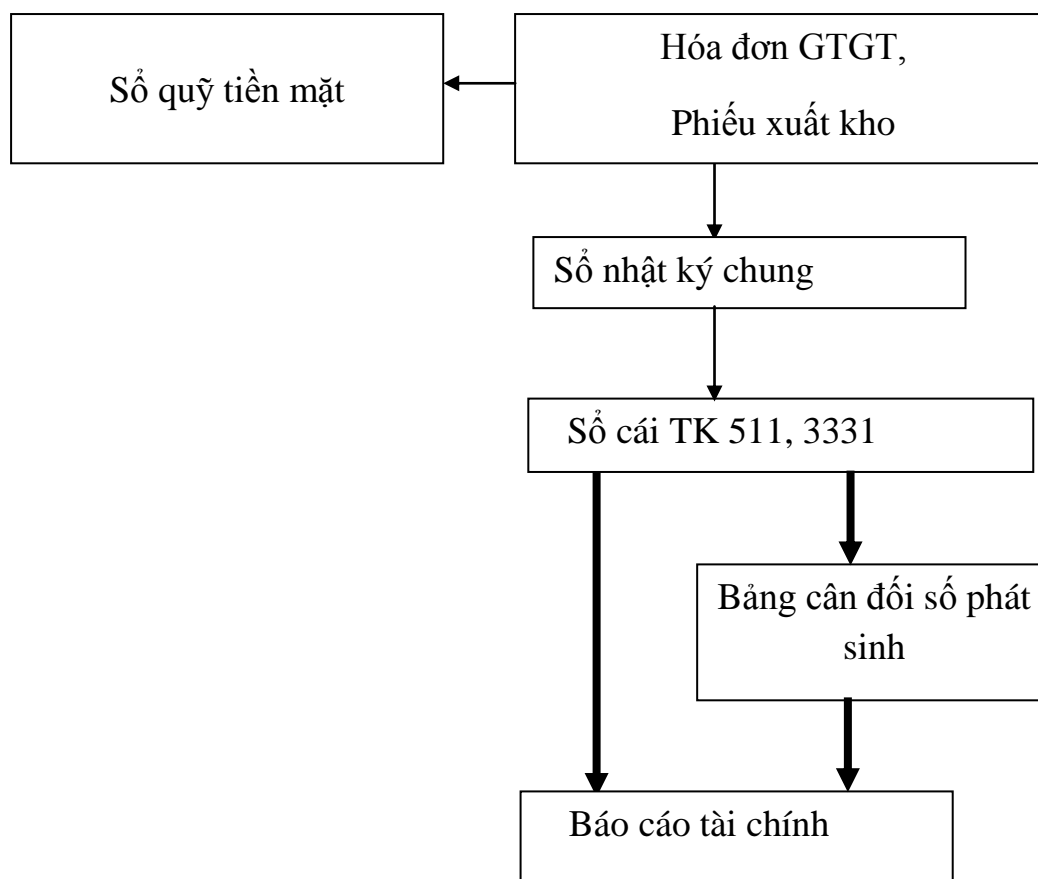
+ Phương thức bán chịu: được áp dụng với khách hàng lớn và truyền thống. Trong những giai đoạn khó khăn, phải cạnh tranh với các đối thủ thì phạm vi này được mở rộng hơn, nhưng đây là biện pháp tình thế và tiềm ẩn nhiều rủi ro nên công ty nên mở sổ theo dõi chi tiết công nợ để theo dõi chi tiết công nợ nhằm quản lý công nợ phải thu.

*** Chứng từ sử dụng:**

- Hoá đơn GTGT (hoá đơn bán hàng)
- Phiếu thu
- Một số chứng từ khác có liên quan

*** Tài khoản sử dụng:**

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 3331: Thuế giá trị gia tăng phải nộp

Sơ đồ 2.5. Quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**Ghi chú:**Ghi hàng ngày : \longrightarrow Ghi định kỳ : \longrightarrow

*** Ví dụ minh họa:**

Ví dụ 1: Ngày 19/5/2010, Công ty bán cho Công ty Xi Măng Hải Phòng 1 trống mực, 1 mực fax 83E, 1 modem ADSL. Tổng giá bán chưa có thuế GTGT 10% là 3.590.000. Đồng thời Công ty Xi Măng Hải Phòng gọi sửa chữa vi tính hỏng, phí sửa chữa chưa thuế GTGT 10% là 550.000. Công ty đã thanh toán toàn bộ số tiền trên bằng tiền mặt.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết phiếu thu số PT0183, PT0184 Hóa đơn GTGT ký hiệu AX/2010B số 0056325, AX/2010B số 0056326. Kế toán vào sổ quỹ tiền mặt để phản ánh số tiền bán hàng thu được, Sổ chi tiết bán hàng, dịch vụ, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ cái TK 333

Biểu số 2.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 19 tháng 05 năm 2010			Mẫu số: 01 GTKT-3LL HĐ AX/2010B 0056325															
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM DV Nam Cường Địa chỉ: Số 200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">6</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">8</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr> </table>						0	2	0	0	6	5	8	8	2	2			
0	2																	
0	0	6	5	8	8	2												
2																		
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Xi Măng Hải Phòng Địa chỉ: Số 1 Đường Hà Nội – Minh Đức - Thủy Nguyên - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM. MS: <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">0</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">5</td><td style="width: 20px; text-align: center;">2</td><td style="width: 20px; text-align: center;">1</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; border-collapse: collapse;"> <tr><td style="width: 20px; text-align: center;">9</td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td><td style="width: 20px;"></td></tr> </table>						0	2	0	0	1	5	5	2	1	9			
0	2																	
0	0	1	5	5	2	1												
9																		
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền													
A	B	C	1	2	3=1*2													
1	Trống mực Canon	Cái	1	2.050.632	2.050.632													
2	Mực Fax	Cái	1	590.237	590.237													
3	Modem ADSL	Cái	1	949.131	949.131													
Cộng tiền hàng					3.590.000													
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					359.000													
Tổng cộng tiền thanh toán					3.949.000													
Số viết bằng chữ: Ba triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng chẵn																		
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)														
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																		

Biểu số 2.2

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 19 tháng 05 năm 2010				Mẫu số: 01 GTKT-3LL HĐ AX/2010B 0056326													
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH TM DV Nam Cường Địa chỉ: Số 200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng Số tài khoản: Điện thoại: MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr><td>0</td><td>2</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr><td>0</td><td>0</td><td>6</td><td>5</td><td>8</td><td>8</td><td>2</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr><td>2</td><td></td><td></td></tr> </table>						0	2	0	0	6	5	8	8	2	2		
0	2																
0	0	6	5	8	8	2											
2																	
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Xi Măng Hải Phòng Địa chỉ: Số 1 Đường Hà Nội – Minh Đức - Thủy Nguyên - HP Số tài khoản: Hình thức thanh toán: TM. MS: <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr><td>0</td><td>2</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr><td>0</td><td>0</td><td>1</td><td>5</td><td>5</td><td>2</td><td>1</td></tr> </table> <table border="1" style="display: inline-table; vertical-align: middle;"> <tr><td>9</td><td></td><td></td></tr> </table>						0	2	0	0	1	5	5	2	1	9		
0	2																
0	0	1	5	5	2	1											
9																	
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền												
A	B	C	1	2	3=1*2												
1	Sửa chữa máy tính			550.000	550.000												
Cộng tiền hàng					550.000												
Thuế suất GTGT: 10 % Tiền thuế GTGT:					55.000												
Tổng cộng tiền thanh toán					605.000												
Số viết bằng chữ: Sáu trăm linh năm ngàn đồng chẵn																	
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)													
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)																	

Biểu số 2.3

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU THU Quyển số 03

Mẫu số 01 – TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Ngày 19 tháng 05 năm 2010

Số: PT0183

NỢ TK 111: 3.949.000

CÓ TK 5111: 3.590.000

CÓ TK 3331: 359.000

Họ, tên người nộp tiền:

Nguyễn Văn Đức

Địa chỉ:

Công ty Xi Măng Hải Phòng

Lý do thu:

Thu tiền bán hàng HĐ số 0056325

Số tiền:

3.949.000đ

Viết bằng chữ:

Ba triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng chẵn

Kèm theo:

01 Chứng từ kế toán HĐ 0056325

Ngày 19 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Ba triệu chín trăm bốn mươi chín ngàn đồng chẵn.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.4

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU THU Quyển số 03

Mẫu số 01 – TT
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Ngày 19 tháng 05 năm 2010

Số: PT0184

NỢ TK 111: 605.000

CÓ TK 5113: 550.000

CÓ TK 3331: 55.000

Họ, tên người nộp tiền:

Nguyễn Văn Đức

Địa chỉ:

Công ty Xi Măng Hải Phòng

Lý do thu:

Thu tiền phí sửa chữa máy tính HĐ số 0056326

Số tiền:

605.000đ

Viết bằng chữ:

Sáu trăm linh năm ngàn đồng chẵn

Kèm theo:

01 Chứng từ kế toán HĐ 0056326

Ngày 19 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập
(Ký, họ tên)

Người nộp tiền
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Sáu trăm linh năm ngàn đồng chẵn*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.5: Trích sổ quỹ tiền mặt năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S07a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ QUỸ TIỀN MẶT

Loại TK: Tiền mặt tại quỹ

Mã hiệu:

111

Đơn vị tính: ĐồngVN

Ngày tháng	Số phiếu		Diễn giải	Số tiền		
	Thu	Chi		THU	CHI	TÒN
					
			Dư đầu tháng 05			<u>62.458.111</u>
.....
17/05/2010	PT 0182		Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ	20.000.000		91.458.111
18/05/2010		PC 0136	Mua Main Giga G31		4.512.500	86.945.611
19/05/2010	PT 0183		Bán trống mực Canon, mực Fax 83E, modem ADSL	3.949.000		90.894.611
19/05/2010	PT 0184		Thu tiền phí sửa chữa máy tính	605.000		91.499.611
.....
			Cộng	112.455.750	88.483.306	
			SDCK			<u>86.430.555</u>

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người lập

(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.6: Trích sổ chi tiết bán hàng năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG,
DỊCH VỤ**

TK: 5111

Tên sản phẩm: Trống mực

Mẫu số S34-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
							
			Tháng 05/2010					
							
15/05/2010	0056320	15/05/2010	Bán trống mực Canon cho Công ty Hồng Phát	111	03	2.050.632		6.151.896
...
19/05/2010	0056325	19/05/2010	Bán trống mực Canon cho Công ty Xi măng Hải Phòng	111	01	2.050.632		2.050.632
...
			Cộng				58.777.547	58.777.547

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.7: Trích sổ chi tiết bán hàng năm 2010

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG,
DỊCH VỤ**

TK: 5111

Tên sản phẩm: Mực Fax

Mẫu số S34-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
							
			Tháng 05/2010					
							
13/05/2010	0056315	13/05/2010	Bán mực Fax HP cho Công ty Tân Thái Bình	111	04	623.195		2.492.780
...
19/05/2010	0056325	19/05/2010	Bán mực Fax 83E cho Công ty Xi măng HP	111	01	590.237		590.237
...
			Cộng				58.777.547	58.777.547

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.8: Trích sổ chi tiết bán hàng năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG,
DỊCH VỤ**

TK: 5111

Tên sản phẩm: Modem ADSL

Mẫu số S34-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
							Nợ	Có
							
			Tháng 05/2010					
							
01/05/2010	0056310	01/05/2010	Bán modem ADSL 1P cho Công ty Gia Vũ	111	10	750.690		7.506.900
.....
19/05/2010	0056325	19/05/2010	Bán modem ADSL cho Công ty Xi măng HP	111	01	949.131		949.131
...
			Cộng				58.777.547	58.777.547

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.9: Trích sổ chi tiết bán hàng năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

**SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG,
DỊCH VỤ**

TK: 5113

Tên dịch vụ: Sửa chữa máy tính

Mẫu số S34-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thành tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
					
			Tháng 05/2010			
					
01/05/2010	0056311	01/05/2010	Sửa chữa máy tính cho Công ty Gia Vũ	111		490.727
...
19/05/2010	0056326	19/05/2010	Sửa chữa máy tính cho Công ty Xi măng HP	111		550.000
...
			Cộng		21.785.632	21.785.632

Ngày 31 tháng 05 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.10. Trích sổ cái TK 511 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
.....
			<u>Tháng 05/2010</u>					
19/05/2010	0056325	19/05/2010	Bán hàng cho CT Xi Măng Hp			111		3.590.000
19/05/2010	0056326	19/05/2010	Sửa chữa máy tính cho CT Xi Măng HP			111		550.000
31/05/2010		31/05/2010	Kết chuyển DTT về BH&CCDV T05/2010			911	80.563.179	
.....
			Cộng số phát sinh				1.233.585.294	1.233.585.294
			Số dư cuối kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.11. Trích sổ cái TK 333 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Thuế và các khoản nộp Nhà nước

Số hiệu: 333

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					<u>2.314.647</u>
			Số phát sinh					
.....
19/05/2010	0056325	19/05/2010	Bán hàng và sửa chữa máy tính cho Công ty Xi Măng HP -Thuế GTGT đầu ra			111		414.000
.....
			Cộng số phát sinh				84.467.109	86.973.901
			Số dư cuối kỳ					<u>4.821.439</u>
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:**2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán***** Kế toán giá vốn hàng bán:**

Tại Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Cho nên khi có nghiệp vụ bán hàng phát sinh kế toán tiến hành xác định trị giá vốn xuất kho của hàng hoá đó rồi viết phiếu xuất kho. Dựa vào phiếu xuất kho kế toán tiến hành ghi sổ

*** Phương thức tính giá hàng xuất kho:**

Công ty tính giá xuất kho hàng hoá theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ và được tính theo công thức sau:

Giá đơn vị BQGQ cả kỳ dự trữ	=	Trị giá hàng tồn ĐK + Trị giá nhập trong kỳ
		Lượng tồn đầu kỳ + Lượng hàng nhập

$$\text{Trị giá hàng hoá xuất kho} = \text{Lượng thực tế xuất kho} \times \text{Giá đơn vị BQGQ cả kỳ dự trữ} .$$

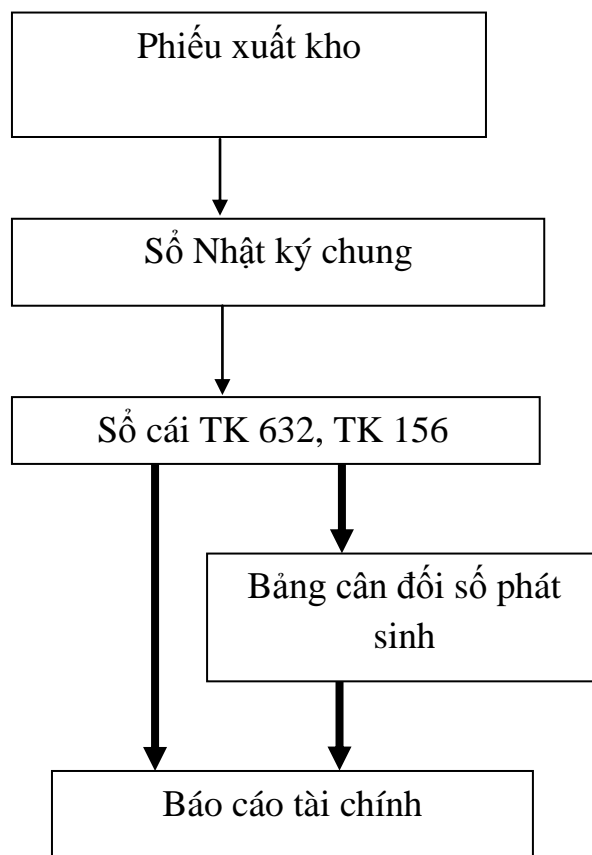
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng:

Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán. Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn thực tế của hàng xuất bán đã được chấp nhận thanh toán hoặc đã được thanh toán trong kỳ.

Sơ đồ 2.6. Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow
Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ minh họa: Lấy tiếp ví dụ 1

Cùng với việc ghi nhận doanh thu bán hàng, kế toán phản ánh giá vốn hàng bán. Trị giá vốn hàng xuất bán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Từ phiếu xuất kho, kế toán vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản 632 (Ví dụ trên)

Biểu số 2.12.Đơn vị: **CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG**

Địa chỉ : 200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 19 tháng 05 năm 2010

Mẫu số 02-VT

QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC

ngày 20/3/2006 của

Bộ trưởng BTC

Nợ: TK 632 Số: 05

Có: TK 156

- Họ tên người nhận hàng: Vũ Văn Thanh. Địa chỉ: vận chuyển
- Lý do xuất kho: xuất bán Trống mực Canon, Mực Fax 83E, Modem ADSL
- Xuất tại kho(ngăn lô): xuất thẳng . Địa điểm: kho

Số TT	Tên nhãn hiệu quy cách phẩm chất vật tư (sản phẩm, hàng hóa)	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Trống mực Canon	TMC	Cái	01	01	1.430.909	1.430.909
2	Mực Fax 83E	MUC83	Cái	01	01	212.182	212.182
3	Modem ADSL	MOD	Cái	01	01	493.838	493.838
	Cộng						2.136.929

Cộng thành tiền (Viết bằng chữ): Hai triệu một trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm hai mươi chín đồng

Chứng từ gốc kèm theo: 01 chứng từ

Ngày 19 tháng 05 năm 2010

Người lập phiếu

(ký, họ tên)

Người nhận hàng

(ký, họ tên)

Thủ kho

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Giám đốc

(ký, họ tên)

Biểu số 2.13. Trích sổ cái TK 632 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
.....
19/05/2010	PX00143	19/05/2010	Bán hàng cho CT Xi Măng HP -Trị giá vốn			156	2.136.929	
31/05/2010		31/05/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 5			911		65.988.821
.....
			Cộng số phát sinh				982.173.257	982.173.257
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.14. Trích sổ cái TK 156 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Hàng hoá

Số hiệu: 156

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT đồng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ				<u>161.418.499</u>	
			Số phát sinh					
.....
19/05/2010		19/05/2010	Bán hàng cho CT Xi Măng HP -Trị giá vốn			632		2.136.929
.....
			Cộng số phát sinh				1.076.976.533	982.173.257
			Số dư cuối kỳ				<u>256.221.775</u>	
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Là những chi phí phát sinh có liên quan chung đến toàn bộ hoạt động của cả doanh nghiệp mà không tách ra được cho bất kỳ một hoạt động nào. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và chi phí chung khác....

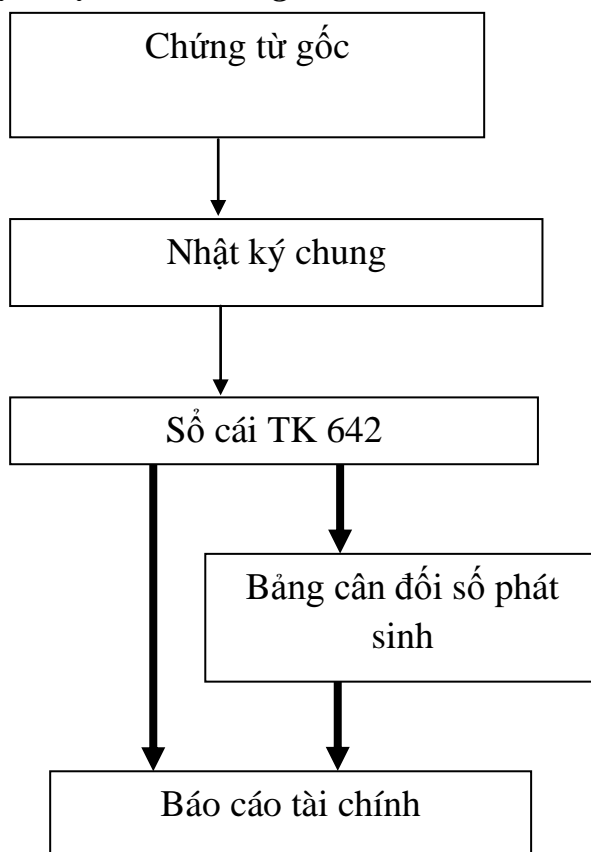
Các chứng từ sổ sách sử dụng :

- + Phiếu chi
- + Hoá đơn GTGT
- + Lệnh chi
- + Sổ cái TK 642,111....

Các tài khoản sử dụng :

- + TK 642 : Chi phí quản lý doanh nghiệp

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ: Công ty thanh toán tiền cước điện thoại cố định của Tổng công ty viễn thông Quân Đội tháng 5 cho bộ phận quản lý theo hóa đơn số 6046930, số tiền là 538.248đ(Chưa bao gồm 10% thuế GTGT)

Biểu số 2.15

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CUÔNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU CHI Quyền số 06

Mẫu số 02-TT
QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20
tháng 03 năm 2006 của
Bộ trưởng BTC

Ngày 22 tháng 05 năm 2010 Số: PC048

NỢ: 642-1331

CÓ: 111

Họ, tên người nộp tiền: Trần Hoài Nam
Địa chỉ: Bộ phận quản lý
Lý do thu: Trả cước điện thoại cố định tháng 5
Số tiền: 592.073 (đ)
Viết bằng chữ: Năm trăm chín mươi hai ngàn không trăm bảy mươi ba đồng chẵn
Kèm theo: Chứng từ kế toán

Ngày 22 tháng 05 năm 2010

Thủ trưởng đơn vị	Kế toán trưởng	Người lập	Người nhận tiền	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm chín mươi hai ngàn không trăm bảy mươi ba đồng chẵn
+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc đá quý):
+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.16. Trích sổ cái TK 642 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
.....
22/05/2010	PC048	22/05/2010	Trả cước điện thoại di động tháng 5			111	538.248	
.....
31/05/2010		31/05/2010	Kết chuyển CP QLDN tháng 5			911		11.522.761
.....
			Cộng số phát sinh				196.310.820	196.310.820
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính

Thu nhập hoạt động tài chính là lãi tiền gửi ngân hàng

Tài khoản sử dụng :

+ TK 515 : Doanh thu hoạt động tài chính

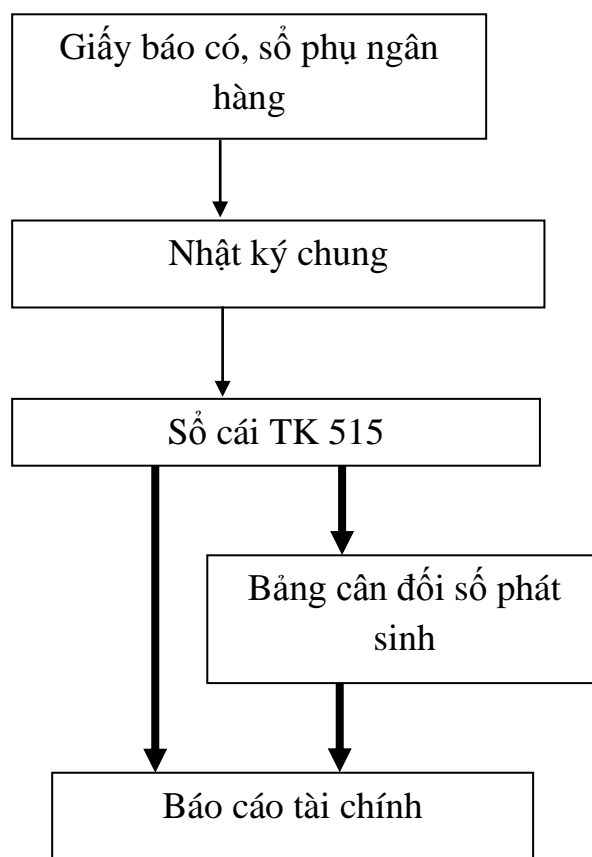
Chứng từ sử dụng :

+ Giấy báo có

+ Giấy báo lãi

+ Bản sao kê của ngân hàng

Sơ đồ 2.8. Quy trình hạch toán chi phí bán hàng tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ : Ngày 28/5/2010, ngân hàng Dầu khí toàn cầu (GP Bank) trả lãi tiền gửi, số tiền là 61.671 đ, kế toán căn cứ vào giấy báo có của ngân hàng, kèm theo sổ phụ để ghi nhật ký chung, đồng thời kế toán ghi sổ cái TK 515

Biểu số 2.17. Trích sổ cái TK 515 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng		Trang số	STT dòng		NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ					
			Số phát sinh					
...
28/05/2010	GBC08-GP	28/05/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng GP			112		61.671
31/05/2010	GBC06-BIDV	30/05/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng BIDV			112		26.409
31/05/2010	GBC03-VP	31/05/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng VP			112		7.635
31/05/2010		31/05/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC tháng 5			911	95.715	
...
			Cộng số phát sinh				1.544.778	1.544.778
			Số dư cuối kỳ					
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ					

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:

Kế toán sử dụng TK 711 để ghi nhận thu nhập khác & TK 811 để ghi nhận chi phí khác

* Chi phí khác là những khoản chi không thuộc hoạt động sản xuất kinh doanh hay hoạt động tài chính. Thông thường đó là các khoản chi có liên quan đến việc xử lý công nợ... và khoản chi này chỉ là khoản chi nhỏ trong công ty.

* Thu nhập khác là các khoản thu nhập nằm ngoài những khoản thu nhập kể trên. Đối với công ty chủ yếu là những khoản thu nhập như : thu nhập từ việc xử lý công nợ, hoàn nhập dự phòng... Khoản thu nhập này chỉ chiếm giá trị nhỏ trong tổng số thu nhập của công ty.

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh là chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty. Kết quả kinh doanh được xác định là chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập và các khoản chi phí trong kỳ.

Kế toán sử dụng TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Phương pháp hạch toán như sau:

Căn cứ để xác định kết quả kinh doanh là tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 và tổng số phát sinh bên Nợ cuối năm của các TK 632, TK 642, TK 811. Tổng số phát sinh bên Có cuối năm của các TK 511, TK 515, TK 711 được kết chuyển vào bên Có TK 911. Sau khi bù trừ hai bên Nợ – Có trên TK 911, kế toán xác định kết quả kinh doanh của Công ty như sau: Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 lớn hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ và số tiền này được kết chuyển sang bên Nợ TK 421. Nếu tổng số tiền bên Nợ TK 911 nhỏ hơn tổng số tiền bên Có, tức trong năm kết quả kinh doanh của Công ty có lãi. Kế toán căn cứ vào số tiền lãi tính ra thuế phải nộp cho Nhà nước, số còn lại (sau khi trừ đi phần thuế phải nộp) được kết chuyển sang bên Có TK 421.

Kết quả hoạt động kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong Công ty trong một thời gian nhất định. Kết quả hoạt động kinh doanh được biểu hiện qua chỉ tiêu “Lãi” hoặc “Lỗ”. Căn cứ và chế độ tài chính hiện hành thu nhập của Công ty được phân phối như sau:

- Nộp thuế TNDN theo quy định với mức thuế suất 25%
- Bù lỗ các khoản năm trước không được trừ vào lợi nhuận sau thuế.
- Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp.

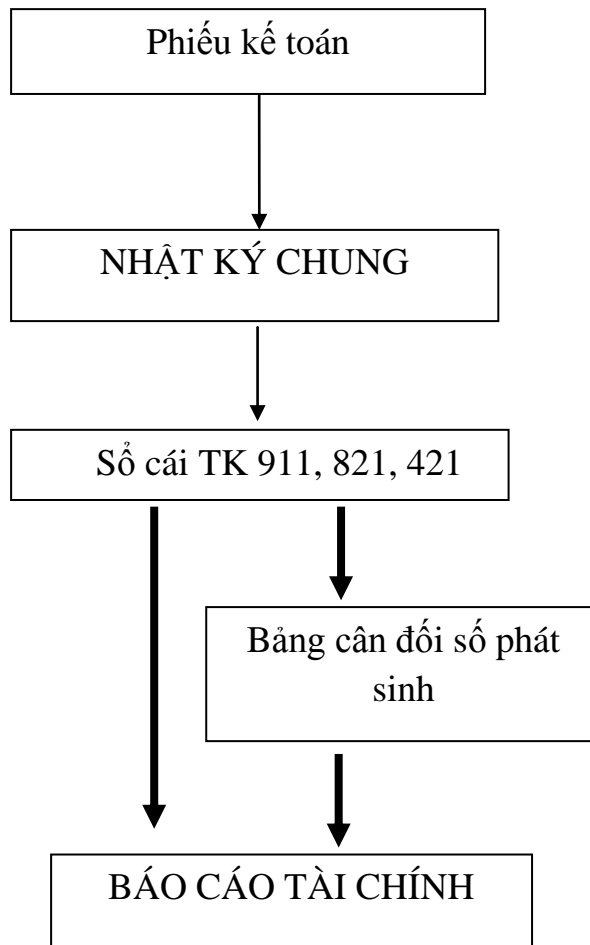
Chứng từ sử dụng:

- Phiếu kế toán

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối.

Sơ đồ 2.9. Quy trình hạch toán xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường



Ghi chú:

Ghi hàng ngày : \longrightarrow

Ghi định kỳ : \longrightarrow

Ví dụ: Cuối tháng 5/2010, Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh

Tổng số phát sinh bên Có TK 911:

Kết chuyển doanh thu gồm: doanh thu thuần, doanh thu hoạt động tài chính

Nợ TK 511 : 80.563.179

Nợ TK 515 : 95.715

Có TK 911: 80.658.894

Tổng số phát sinh bên Nợ TK 911:

Kết chuyển chi phí gồm: giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác.

Nợ TK 911 : 77.511.582

Có TK 632 : 65.988.821

Có TK 642 : 11.522.761

Kết quả tiêu thụ HH, dịch vụ = Doanh thu – Chi phí

$$= 80.658.894 - 77.511.582 = 3.147.312$$

Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

Nợ TK 821 : 768.828

Có TK 3334 : 768.828

Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Nợ TK 911 : 768.828

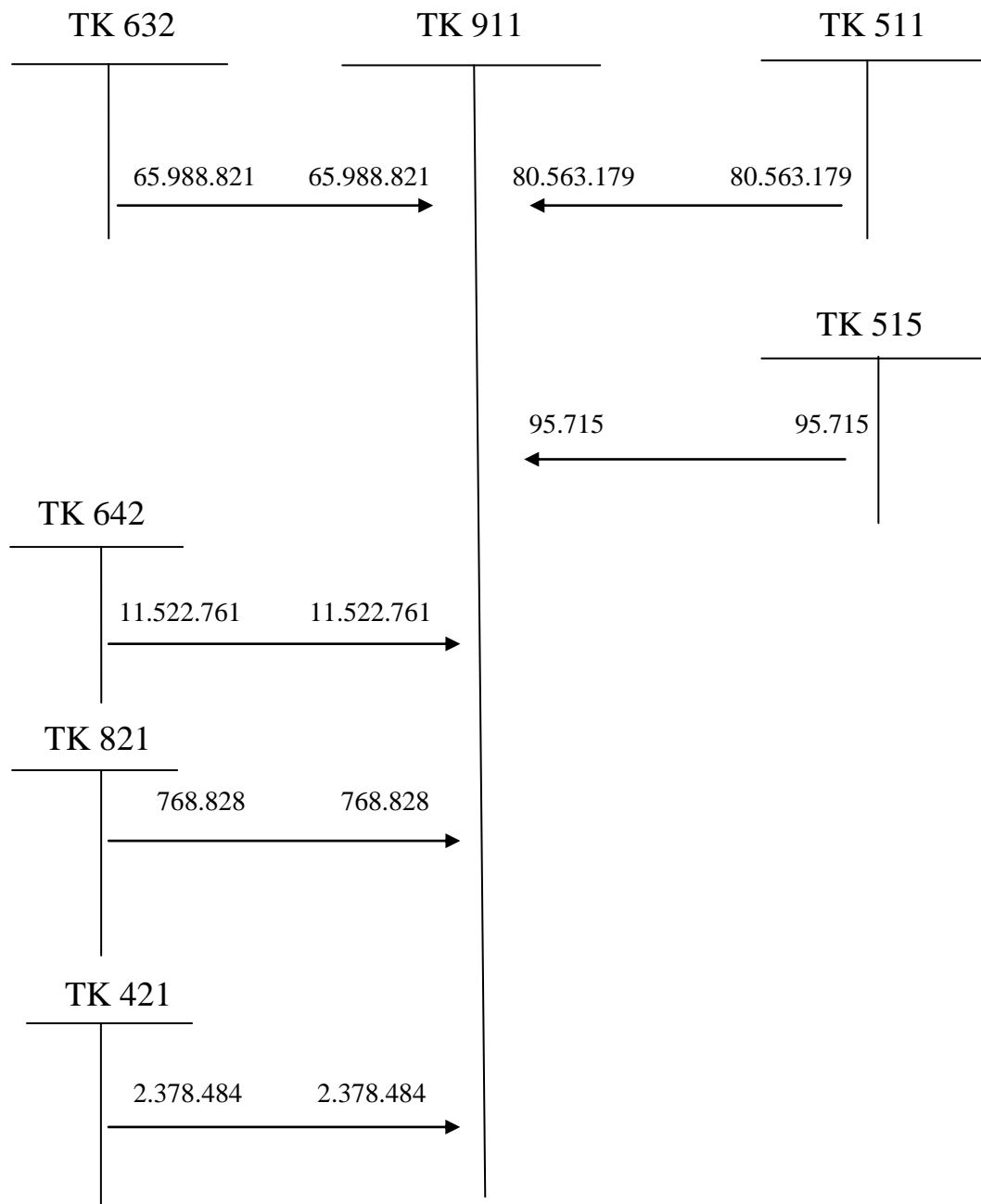
Có TK 821 : 768.828

Kết chuyển lợi nhuận sau thuế

Nợ TK 911 : 2.378.484

Có TK 421 : 2.378.484

Sơ đồ 2.10: Trình tự hạch toán xác định kết quả kinh doanh



Biểu số 2.18. Trích phiếu kế toán năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT01

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền

1	Kết chuyển DTT về BH&CCDV T5	511	911	80.563.179
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính tháng 5	515	911	95.715

	Cộng			1.235.130.072

Người lập**Kế toán trưởng****Giám đốc***(chữ ký, họ tên)**(chữ ký, họ tên)**(chữ ký, họ tên)*

Biểu số 2.19. Trích phiếu kế toán năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT02

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền

1	Kết chuyển giá vốn hàng bán T5	911	632	65.988.821
2	Kết chuyển chi phí QLDN T5	911	642	11.522.761
3	Kết chuyển chi phí thuế TNDN T5	911	821	768.828

	Cộng			1.192.654.436

Người lập
(chữ ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(chữ ký, họ tên)

Giám đốc
(chữ ký, họ tên)

Biểu số 2.20. Trích phiếu kế toán năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số: PKT03

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền

1	Kết chuyển lãi tháng 5	911	421	2.378.484

	Cộng			42.475.636

Người lập*(chữ ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(chữ ký, họ tên)***Giám đốc***(chữ ký, họ tên)*

Biểu số 2.21. Trích sổ nhật ký chung năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2010

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
.....
19/05/2010	PX00143	19/05/2010	Bán Trống mực , Mực Fax 83E, Modem ADSL cho CT Xi Măng HP – trị giá vốn	X		632	156	2.136.929	2.136.929
19/05/2010	0056325	19/05/2010	Bán hàng cho CT Xi Măng HP	X		111	511	3.590.000	3.590.000
19/05/2010	0056326	19/05/2010	Dịch vụ sửa chữa máy tính cho CT Xi Măng HP	X		111	511	550.000	550.000
19/05/2010		19/05/2010	Bán hàng cho CT Xi Măng HP – Thuế GTGT đầu ra	X		111	3331	909.000	909.000
.....
22/05/2010	PC048	22/05/2010	Trả cước điện thoại cố định T5	X		642	111	538.248	538.248
22/05/2010	PC048	22/05/2010	Thuế GTGT được khấu trừ-điện thoại	X		133	111	53.825	53.825
.....
28/05/2010	GBC08-GP	28/05/2010	Lãi tiền gửi ngân hàng GP	X		112	515	61.671	61.671
.....
.....

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	STT dòng	Số hiệu TK		Số tiền phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng				NỢ	CÓ	NỢ	CÓ
31/05/2010	PKT02	31/05/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 5	X		911	632	65.988.821	65.988.821
31/05/2010	PKT01	31/05/2010	Kết chuyển DTT về BH&CCDV tháng 5	X		511	911	80.563.179	80.563.179
31/05/2010	PKT01	31/05/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC tháng 5	X		515	911	95.715	95.715
31/05/2010	PKT02	31/05/2010	Kết chuyển chi phí QLDN tháng 5	X		911	642	11.522.761	11.522.761
31/05/2010	PKT02	31/05/2010	Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 5	X		911	821	768.828	768.828
31/05/2010	PKT03	31/05/2010	Kết chuyển lãi tháng 5	X		911	421	2.378.484	2.378.484
...
			Cộng lũy kế					5.090.063.061	5.090.063.061

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.22.Trích sổ cái TK911 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010
Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh
Số hiệu: 911

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
...
31/05/2010	PKT02	31/05/2010	Kết chuyển giá vốn hàng bán tháng 5	632	65.988.821	
31/05/2010	PKT01	31/05/2010	Kết chuyển DTT về BH&CCDV tháng 5	511		80.563.179
31/05/2010	PKT01	31/05/2010	Kết chuyển doanh thu hoạt động TC tháng 5	515		95.715
31/05/2010	PKT02	31/05/2010	Kết chuyển CP QLDN tháng 5	642	11.522.761	
31/05/2010	PKT02	31/05/2010	Kết chuyển chi phí thuế TNDN tháng 5	821	768.828	
31/05/2010	PKT03	31/05/2010	Kết chuyển lãi tháng 5	421	2.378.484	
....
			Cộng số phát sinh		1.235.130.072	1.235.130.072
			Số dư cuối kỳ			

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.23.Trích sổ cái TK821 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Số hiệu: 821

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ			
			Số phát sinh			
.....
31/05/2010		31/05/2010	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp tháng 5	3334	768.828	
31/05/2010	PKT03	31/05/2010	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tháng 5	911		768.828
.....
			Cộng số phát sinh		14.158.545	14.158.545
			Số dư cuối kỳ			
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.24.Trích sổ cái TK421 năm 2010

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CUỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối
Số hiệu: 421

Đơn vị tính: Đồng VN

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			NỢ	CÓ
			Dư đầu kỳ			<u>85.075.936</u>
			Số phát sinh			
.....
31/05/2010	PKT03	31/05/2010	Kết chuyển lãi tháng 5	911		2.378.484
.....
			Cộng số phát sinh			42.475.636
			Số dư cuối kỳ			<u>127.551.572</u>
			Cộng lũy kế từ đầu kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký và ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký và ghi rõ họ tên)

Biểu số 2.25. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010

Mẫu số: B-02/DN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Người nộp thuế: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường

Mã số thuế :

0	2	0	0	6	5	8	8	2	2			
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---	--	--	--

Địa chỉ trụ sở: Số 200 Cầu Đất

Quận Huyện: Ngô Quyền

Tỉnh/ Thành phố: Hải Phòng

Điện thoại: 031.3592423

Fax: 031.3592423

Email: namcuonghp@gmail.com

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Stt	Chỉ Tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	1.233.585.294	814.246.221
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 02)	10		1.233.585.294	814.246.221
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	982.173.257	576.188.043
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)	20		251.412.037	238.058.178
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	1.544.778	1.209.289
7	Chi phí tài chính	22	VI.28		
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí bán hàng	24			
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		196.310.820	200.254.109
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 23 - 24)	30		56.645.995	39.013.358
11	Thu nhập khác	31			
12	Chi phí khác	32		11.814	
13	Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)	40		(11.814)	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		56.634.181	39.013.358
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	14.158.545	10.923.740
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17	lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60 = 50 – 51 – 52)	60		42.475.636	28.089.618
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Lập ngày 27 tháng 03 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên)

(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)

CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM CƯỜNG

3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường

3.1.1. Ưu điểm:

Hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một nội dung quan trọng trong công tác kế toán của công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường. Bởi lẽ nó liên quan đến việc xác định kết quả và khoản thu nhập thực tế vào phân phải nộp cho ngân sách nhà nước đồng thời nó phản ánh sự vận động của tài sản, tiền vốn của công ty trong lưu thông trên cơ sở đặc điểm của từng phân hành kế toán doanh thu, chi phí đã vận dụng linh hoạt lý luận vào thực tiễn. Kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh bên cạnh việc cung cấp thông tin cho các cơ quan chức năng như cơ quan thuế, ngân hàng.....Cung cấp đầy đủ thông tin cho lãnh đạo doanh nghiệp giúp ban giám đốc doanh nghiệp có những quyết định về hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm và chiến lược nắm bắt kịp thời, đúng đắn và hiệu quả.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường là một doanh nghiệp trẻ, trong quá trình phát triển lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng đa dạng sản phẩm, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Để có được kết quả như hiện nay công ty đã xây dựng bộ máy quản lý rất khoa học và chặt chẽ, lựa chọn cán bộ có nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm cao.

Về tổ chức bộ máy kế toán: Kế toán là một bộ phận cấu thành lên hệ thống quản lý kế toán tài chính của công ty và là một bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc quản lý, giám sát hoạt động kinh doanh. Kế toán thường xuyên kiểm tra các chi phí phát sinh, phát hiện những nghiệp vụ bất thường cần điều chỉnh lại, đôn đốc thu hồi công nợ và cho biết các nguồn tài chính hiện tại của công ty phản ánh lên sổ sách kế toán và là nơi lưu trữ thông tin tài chính quan trọng. Đối tác của công ty rất nhiều vì vậy việc lập báo cáo tài chính một cách

khoa học chặt chẽ mang một ý nghĩa rất lớn. Với đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ, đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ chuyên môn cao am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản báo cáo tài chính phù hợp.

Về hệ thống tài khoản sử dụng: Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của bộ tài chính, chuẩn mực kế toán mới thống nhất trên cả nước. Vận dụng linh hoạt chế độ sổ sách kế toán, mở tài khoản cấp 2 của các tài khoản để phục vụ thông tin một cách chính xác và nhanh nhất.

Về tổ chức bộ sổ kế toán: Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán “ Nhật ký chung” , các chứng từ gốc, các loại sổ sử dụng và các bảng phân bổ được tuân thủ theo một quy định chung và được thực hiện đồng bộ, thống nhất toàn công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc xử lý các thông tin kế toán phù hợp với trình độ năng lực và điều kiện trang thiết bị tính toán cũng như yêu cầu quản lý của công ty. Việc kiểm soát công ty đảm bảo yêu cầu dễ tìm dễ thấy.

Về khâu tổ chức hạch toán bán hàng: Để phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến quá trình bán hàng. Công ty thực hiện theo chế độ kế toán do Nhà nước quy định. Đồng thời trình tự luân chuyển chứng từ để ghi sổ kế toán của công ty cũng khoa học hợp lý, giúp cho việc hạch toán bán hàng được sắp xếp, phân loại bảo quản theo đúng chế độ đã lưu trữ chứng từ tài liệu kế toán.

Việc hạch toán quá trình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh: Việc hạch toán doanh thu về cơ bản là đúng theo nguyên tắc, chế độ hiện hành. Doanh thu được phản ánh đầy đủ phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Việc hạch toán kê khai thuế GTGT được thực hiện khá chặt chẽ. Công ty luôn thực hiện tính đúng, tính đủ số thuế phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đồng thời công ty sử dụng đầy đủ tất cả các mẫu kê khai thuế GTGT do doanh nghiệp quy định.

3.1.2. Hạn chế:

Bên cạnh những ưu điểm trên, công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn một số hạn chế cần hoàn thiện sau:

Về việc luân chuyển chứng từ: Chứng từ kế toán rất quan trọng đến công tác quản lý tài chính nói chung và công tác tập hợp chi phí nói riêng, việc lập biểu xuất kho ở công ty chưa kịp thời, nhanh gọn, luân chuyển chứng từ còn

chậm, không đảm đúng thời hạn quy định. Hơn nữa việc tập hợp luân chuyển chứng từ do chưa có quy định cụ thể về thời gian nộp chứng từ của các bộ phận nên tình trạng nộp chứng từ bị chậm trễ trong quá trình đưa đến phòng tài vụ để xử lý dẫn đến kỳ sau mới xử lý được nên tình trạng quá tải công việc khi chứng từ cùng về một lúc.

Về hệ thống sổ kế toán:

Kế toán sử dụng sổ nhật ký chung theo mẫu S03a-DN Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính. Tuy nhiên, Kế toán không mở sổ chi tiết thanh toán với người mua(người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua(người bán). Mục đích của 2 loại sổ này giúp cho kế toán dễ dàng theo dõi tình hình công nợ của khách hàng đối với công ty cũng như công nợ của công ty đối với nhà cung cấp. Điều này cũng giúp cho ban lãnh đạo công ty dễ dàng nắm bắt được tình hình nợ phải thu hoặc nợ phải trả của công ty như thế nào để từ đó đề ra các chính sách, các giải pháp phù hợp, kịp thời.

Kế toán không mở sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa và bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Điều này sẽ làm kế toán rất khó đối chiếu số liệu tài khoản hàng tồn kho trên sổ cái.

Về phương thức hạch toán kế toán: Trong điều kiện kinh tế thị trường, tình trạng kinh doanh của doanh nghiệp luôn biến đổi về quy mô, ngành nghề trong lĩnh vực kinh doanh, cách thức quản lý, cách thức kinh doanh, cách thức hạch toán và cách thức lãnh đạo....Hơn nữa nhu cầu quản lý nhà nước về tài chính, thuế, ngân hàng, thị trường chứng khoán...cũng như yêu cầu quản lý kinh doanh của công ty, đòi hỏi cần thiết phải có phần mềm kế toán mới đáp ứng tốt hơn và nâng cao chất lượng thông tin được cung cấp. Mặc dù công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính nhưng công ty chưa sử dụng phần mềm kế toán chỉ làm kế toán excell trên vi tính mất khá nhiều thời gian, đôi khi còn có sự sai lệch nhầm lẫn về số liệu.

Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm: Trong quá trình tiêu thụ chiến lược kinh doanh đóng một vai trò hết sức quan trọng. Nó sẽ tạo ra sức hấp dẫn lớn lôi cuốn khách hàng là luôn muốn tiêu dùng những sản phẩm tốt trên thị trường và được hưởng nhiều ưu đãi. Chính vì vậy việc không áp dụng những chính sách ưu đãi về chiết khấu thanh toán cho những khách

hàng thanh toán mua hàng, thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ làm giảm số lượng khách hàng không nhỏ trong tiêu thụ hàng hoá, thành phẩm của công ty, dẫn đến làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Về trích lập các khoản dự phòng: Khách hàng của công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà công ty chưa tiến hành các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi và hàng hoá tồn kho (dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho) nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy đã làm sai nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

Về việc tính lương và các khoản trích theo lương cho công nhân viên của công ty: Công ty không tiến hành tính lương và các khoản trích theo lương cho công nhân viên của công ty mặc dù công ty đã ký hợp đồng lao động trên 12 tháng. Như vậy công ty đã làm sai quy định về việc tính lương và các khoản trích theo lương. Công ty chỉ có bảng tính lương riêng, không có các khoản trích theo lương

3.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hoá, việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp để thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hoá, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hoá, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập một cách chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy chính xác cao giúp cho nhà quản lý đúng và chính xác về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi và khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý sẽ đề ra những biện pháp giải

quyết kịp thời những khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

3.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:

Sự chuyển đổi nền kinh tế đất nước từ thời bao cấp sang nền kinh tế thị trường định hướng XHCN có sự quản lý của Nhà nước là một yếu tố khách quan trong điều kiện môi trường mới cùng với sự tiến bộ không ngừng của khoa học kỹ thuật đang từng giờ làm thay đổi thế giới, mở rộng và hội nhập nền kinh tế thị trường là một yêu cầu cần thiết. Để đáp ứng và tồn tại trên thị trường đòi hỏi mỗi cá nhân mỗi doanh nghiệp không thể hài lòng với những gì đạt được, muốn chiếm lĩnh được thị trường đòi hỏi các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường nói riêng phải cạnh tranh gay gắt, mặt khác phải luôn năng động, nhanh nhạy nắm bắt được xu thế của thị trường, không ngừng mở rộng quan hệ buôn bán, hợp tác phát triển. Đổi mới công nghệ, kinh nghiệm, nâng cao chất lượng hàng hóa dịch vụ nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của người tiêu dùng.

Muốn làm được các doanh nghiệp phải không ngừng cải tiến hoàn thiện công tác quản lý nhằm tối đa hóa lợi nhuận với mức chi phí thấp nhất, trong các công cụ quản lý đó kế toán là công cụ quản lý đặc biệt và phục vụ đắc lực nhất thông qua việc thu thập, ghi chép, xử lý, tính toán, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong hoạt động kinh doanh theo một hệ thống khoa học của kế toán. Chứng từ, tài khoản, tính toán, tổng hợp, cân đối để có thể cung cấp thông tin một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời về tình hình tài sản, sự biến động của tài sản giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp đưa ra những quyết định đúng đắn và mang lại hiệu quả kinh tế cao. Ngoài ra các báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho các đối tượng quan tâm về tình hình tài chính, triển vọng phát triển kinh doanh của doanh nghiệp để có những quyết định đầu tư đúng đắn, kịp thời trong từng thời kỳ. Vì vậy doanh nghiệp phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán cho phù hợp với yêu cầu quản lý hiện nay, nhất là trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hoàn thiện công tác kế toán thì hệ thống chứng từ ban đầu sẽ nâng cao được tính chính xác tạo điều kiện cho kế toán theo dõi tình hình hoạt động sản xuất

kinh doanh. Việc hoàn thiện góp phần sử dụng đúng tài khoản để phản ánh chính xác các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tạo điều kiện cho công tác kiểm tra kế toán, đồng thời giúp cho các bạn hàng, ngân hàng, những người quan tâm đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp biết.

Số liệu kế toán phải chính xác tuyệt đối và dễ hiểu đảm bảo sự minh bạch, công khai, thể hiện sự tiết kiệm nhưng có hiệu quả.

3.4. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:

Mục đích của việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là tạo hướng đi đúng dẫn đưa công tác kế toán đi vào nề nếp, với các doanh nghiệp việc hoàn thiện này không nằm ngoài mục tiêu tăng doanh thu và đạt lợi nhuận cao, để đạt được hiệu quả trong việc hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin kinh tế chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.5. Các biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường

Qua quá trình thực tập tại công ty, trên cơ sở tìm hiểu, nắm vững tình hình thực tế cũng như những vấn đề lý luận đã được học, tôi nhận thấy trong công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh của công ty vẫn còn có những hạn chế mà nếu được khắc phục thì phần hành kế toán này của công ty sẽ được hoàn thiện hơn. Tôi xin đưa ra một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại công ty như sau:

3.5.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ

Thao tác trong quá trình luân chuyển chứng từ tại công ty từ kho lên phòng tài vụ đều xử lý chứng từ chậm trễ gây rất nhiều khó khăn, dồn ứ công việc sang tháng sau làm ảnh hưởng không tốt cho công tác kế toán và khiến nhân viên phải vất vả trong công việc. Vì vậy, công ty cần có những biện pháp quy định về định ngày luân chuyển chứng từ trong tháng để có thể tập hợp chứng từ được thực hiện một cách đầy đủ kịp thời. Chẳng hạn có thể quy định đến ngày nhất định, các phòng ban, kho....phải tập hợp và gửi toàn bộ chứng từ phát sinh trong tháng về phòng kế toán để kế toán xử lý các chứng từ đó một cách cập nhật nhất.

3.5.2. Kiến nghị 2: Về hệ thống sổ kế toán:

Công ty nên mở sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán) và bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán) theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

Ví dụ: Ngày 27/05/2010, Mua văn phòng phẩm phục vụ công tác quản lý của công ty CP VPP Viễn Đông HP, trị giá 1.067.871 (chưa bao gồm thuế GTGT 10%). Từ Hóa đơn GTGT số AX/0079211, kế toán viết phiếu chi số 60.

Từ phiếu chi số 60 kế toán phản ánh vào sổ nhật ký chung và sổ cái TK 642. Cuối kỳ kết chuyển sang TK 911.

Ví dụ: Ngày 27 tháng 5 năm 2010, công ty bán CPU E 2200 cho công ty Môi trường đô thị HP. Tổng giá bán chưa có thuế GTGT là 1.562.000 (Thuế suất VAT 10%). Công ty chưa thanh toán số tiền trên.

Căn cứ vào nghiệp vụ phát sinh trên kế toán viết phiếu thu số PT0183, Hóa đơn GTGT ký hiệu AX/2010B số 0056232. Kế toán vào sổ quỹ tiền mặt để phản ánh số tiền bán hàng thu được, Sổ chi tiết bán hàng, sổ nhật ký chung, sổ cái TK 511 và sổ cái TK 333. Kế toán ghi sổ chi tiết thanh toán với người mua (người bán), vào bảng tổng hợp thanh toán với người mua (người bán)

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Mẫu số S31-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

Tài khoản: 131

Tên tài khoản:

Phải thu của khách hàng

Đối tượng: Công ty Môi trường đô thị HP

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày, tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5
			Số dư đầu kỳ					-	
			Số phát sinh trong kỳ						
...
27/05	0056232	27/05	Bán CPU E 2200 cho công ty Môi trường đô thị HP	511		1.562.000		1.562.000	
27/05	0056232	27/05	Bán CPU E 2200 cho công ty Môi trường đô thị HP	3331		156.200		156.200	
...
			Cộng số phát sinh			3.542.825			
			Số dư cuối kỳ					3.542.525	

Sổ này có trang, đánh số thứ tự từ số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 5 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tài khoản: Phải thu khách hàng

Số hiệu TK: 131

Năm : 2010

STT	Tên	Số Dư Đầu Kỳ		Số Phát Sinh		Số Dư Cuối Kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
A	B	1	2	3	4	5	6
1	CT Xi Măng HP	-		11.236.000	8.062.000	3.174.000	
2	CT Môi trường đô thị HP	-		3.542.525		3.542.525	
	
	Cộng	231.619.594		900.944.900	748.229.800	384.334.694	

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S10-DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tài khoản: 156 Tên kho: Kho 1

Tên, quy cách: CPU E 2200

Đơn vị tính: VNĐ

Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	(3 = 1 x 2)	4	(5 = 1 x 4)	6	(7 = 1 x 6)	E
		Số tồn đầu kỳ		1.077.600					01	1.077.600	
PXK12	27/5	Xuất bán CPU E 2200	632	1.077.600			01	1.077.600	01	1.077.600	
0056232	31/5	Nhập kho CPU E 2200	111	1.000.452	02	2.000.904					
		Cộng trong tháng			02	2.000.904	01	1.077.600	02	2.000.904	

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ:

Ngày 31 tháng 5 năm 2010.

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S11-DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT HÀNG HOÁ

Tháng 5 năm 2010

Đơn vị: VNĐ

Số thứ tự	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hoá	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	CPU E 2200	1.077.600	2.000.904	1.077.600	2.000.904
2	CD Combo	-	49.992.900	45.618.693	4.374.207
3	Máy in HP 2014	6.872.855	9.009.300	15.882.155	-
...
	Tổng cộng	25.461.579	149.236.000	118.114.448	56.583.131

Ngày 31 tháng 05 năm 2010.

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

3.5.3. Kiến nghị 3: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán:

Để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý và nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm lao động của nhân viên kế toán, giải phóng cho kế toán chi tiết khỏi công việc tìm kiếm, kiểm tra số liệu kế toán một cách đơn điệu, nhàm chán, mệt mỏi để họ dành thời gian cho công việc lao động thực sự sáng tạo của quá trình quản lý, bán hàng công ty nên trang bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại công ty. Hiện tại phòng kế toán của công ty đã được trang bị đầy đủ máy vi tính phục vụ cho công tác kế toán, điều đó là điều kiện thuận lợi để ứng dụng phần mềm kế toán vào công tác hạch toán, điều đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán viên trong công tác kiểm tra, đối chiếu số liệu vì đặc điểm hàng hoá của công ty đa dạng. Phần mềm kế toán ứng dụng sẽ mang lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại thông tư (Thông tư 103/2005/TT – BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán”) hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- Phần mềm kế toán Fast của công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp Fast.
- Phần mềm kế toán Smart Soft của công ty cổ phần Smart Soft
- Phần mềm kế toán Misa của công ty cổ phần Misa
- Phần mềm SAS-INNOVA của công ty Cổ phần SIS Việt Nam.

Trình tự kế toán trên máy vi tính về nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh như sau: Việc tổ chức ghi chép vào sổ kế toán tài chính, máy tính nhập dữ liệu do kế toán viên nhập từ các chứng từ liên quan vào. Cuối kỳ các bút toán kết chuyển nhập vào máy, tự máy xử lý hạch toán vào sổ kế toán. Căn cứ vào yêu cầu của chủ doanh nghiệp, giám đốc, kế toán trưởng, người sử dụng sẽ khai báo vào máy những yêu cầu cần thiết (sổ cái, báo cáo doanh thu, kết quả kinh doanh...) máy sẽ tự xử lý và đưa ra những thông tin cần thiết theo yêu cầu.

3.5.4. Kiến nghị 4: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá

Để thu hút được khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lớn lâu năm, để tăng được doanh thu, tăng lợi nhuận. Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua hàng với hình thức chiết khấu thương mại.

Về khoản chiết khấu thương mại: Khoản chiết khấu thương mại của công ty nếu phát sinh nên hạch toán vào TK 521. TK 521 dùng để phản ánh toàn bộ số tiền doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do họ mua hàng với số lượng lớn hoặc vì một lý do ưu đãi khác.

Khi sử dụng tài khoản này cần tôn trọng một số quy định sau:

+ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hoá đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK 521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

+ Phải theo dõi chi tiết chiết khấu thương mại đã thực hiện cho từng khách hàng và từng loại hàng bán như bán hàng sản phẩm hàng hóa cung cấp dịch vụ

+ Trong kỳ CKTM phát sinh thực tế được phản ánh bên nợ TK 521-CKTM

+ Cuối kỳ khoản CKTM được kết chuyển sang TK 511 để xác định doanh thu thuần của khối lượng SP, HH dV thực tế thực hiện trong kỳ báo cáo

TK 521: Chiết khấu thương mại

- Bên Nợ: Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng(521)

- Bên Có: Cuối kỳ kế toán kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại (521) sang tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

Doanh nghiệp cũng có thể sử dụng thêm hình thức chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là số tiền giảm trừ cho người mua do người mua thanh toán tiền hàng trước thời hạn quy định trong hợp đồng hoặc trong cam kết. Số tiền chiết khấu này được hạch toán vào TK 635: chi phí hoạt động tài chính.

- **Phương pháp kế toán:** Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán hạch toán:

Nợ TK 635: Số tiền chiết khấu thanh toán cho hàng bán

Có TK 11,112,131: Tổng số tiền trả lại hoặc giảm nợ cho khách hàng

Cuối kỳ kết chuyển chiết khấu thanh toán để xác định kết quả kinh doanh:

Nợ TK 911: Kết chuyển chiết khấu thanh toán

Có TK 635: Chiết khấu thanh toán

Việc mở thêm các tài khoản này góp phần hoàn thiện đầy đủ, đồng thời thúc đẩy việc khách hàng thanh toán tiền sớm cho doanh nghiệp, cụ thể hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán của công ty, đáp ứng yêu cầu của hạch toán kế toán tiêu thụ.

3.5.5. Kiến nghị 5: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi

Để đề phòng những tổn thất do những khoản nợ phải thu khó đòi đem lại và hạn chế đến mức tối thiểu nhưng đột biến về kết quả kinh doanh trong kỳ. Phải thu khó đòi là những khoản nợ mà người nợ có hoặc không có khả năng trả nợ đúng hạn trong năm kế hoạch. Doanh nghiệp phải lập dự phòng khi có những bằng chứng tin cậy về các khoản phải thu khó đòi.

Lập dự phòng phải thu khó đòi là việc doanh nghiệp tính trước vào chi phí của doanh nghiệp một khoản chi, để khi có các khoản nợ khó đòi, không đòi được thì tình hình tài chính của doanh nghiệp không bị ảnh hưởng.

Việc lập dự phòng khó đòi được thực hiện vào cuối niên độ kế toán, trước khi lập báo cáo kế toán tài chính. Mức lập dự phòng đối với nợ phải thu khó đòi và việc xử lý xoá nợ phải thu khó đòi phải theo chế độ tài chính hiện hành.

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm

Tổng mức dự phòng các khoản phải thu khó đòi không quá 20% tổng số phải thu của doanh nghiệp tại thời điểm lập báo cáo tài chính cuối năm.

Sau khi phải lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi công ty phải tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng cho các khoản nợ vào bảng kê chi tiết làm căn cứ để tính toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp. Các khoản phải thu khó đòi được theo dõi trên TK 139.

- Phương pháp hạch toán:

+ Cuối kỳ kế toán căn cứ vào khoản nợ phải thu khó đòi, tính toán xác định số dự phòng phải thu khó đòi cần phải trích lập. Nếu dự phòng năm nay lớn hơn dự phòng cuối niên độ trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch dự phòng cần phải trích lập thêm:

Nợ TK 642: chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 139: trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Nếu số dự phòng trích lập năm nay nhỏ hơn số dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cuối niên độ trước chưa được sử dụng hết thì số chênh lệch được hoàn nhập, ghi giảm chi phí:

Nợ TK 139:

Có TK 642:

+ Các khoản nợ phải thu khó đòi khi xác định thực sự là không đòi được, được phép xoá nợ (theo quy định chế độ tài chính hiện hành). Căn cứ vào quyết định xoá nợ về khoản nợ phải thu khó đòi kế toán ghi:

Nợ TK 139: Dự phòng phải thu khó đòi

Có TK 642: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu của khách hàng hàng

Hoặc ghi Có TK 138: phải thu khác

Đồng thời ghi đơn Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý (Để theo dõi thu nợ khi khách hàng có điều kiện trả nợ)

Đối với khoản phải thu khó đòi đã xử lý xoá nợ, nếu sau đó thu hồi được, kế toán ghi:

Nợ 111, 112:

Có TK 711: thu nhập khác

Đồng thời ghi Có TK 004: Nợ khó đòi đã xử lý

3.5.6. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của công ty:

Thị trường là yếu tố quyết định của quá trình kinh doanh hàng hoá. Do đó để nâng cao hiệu quả kinh doanh, công ty cần có sách lược, chiến lược mở rộng thị trường, đẩy mạnh quá trình tiêu thụ.

Khó khăn lớn nhất hiện nay của công ty là sự cạnh tranh của các đơn vị nhỏ lẻ, sản xuất các sản phẩm nhái lại các sản phẩm của công ty, công ty phải thay đổi kế hoạch trong công tác sản xuất kinh doanh sao cho vừa đáp ứng nhu cầu về lượng cho mọi khách hàng và vừa đảm bảo về giá cả trên thị trường mà vẫn đảm bảo được chất lượng sản phẩm. Ban lãnh đạo công ty cần có những chính sách, chiến lược để đối phó với tình hình hiện nay. Hơn nữa, đề nghị công ty nên có biện pháp giới thiệu sản phẩm của mình thông qua chính sách quảng cáo để qua đó phát triển thị trường tiêu thụ ngành hàng kinh doanh. Để góp phần nâng

cao hiệu quả quảng cáo, công ty phải nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại.

Với phương châm thảo mãn tốt nhu cầu của khách hàng về hàng hoá. Công ty cần tạo ra một hệ thống các cơ sở đại lý để cung cấp hàng hóa đến tay khách hàng một cách thuận tiện.

Trên cơ sở đó công ty nên mở một số cơ sở đại lý bán hàng ở những khu vực thích hợp, công ty sẽ phải đầu tư thêm vốn để đưa sản phẩm của mình tới khách hàng bằng con đường nhanh nhất. Đồng thời, nó còn giúp công ty nâng cao khả năng tiêu thụ sản phẩm tránh tình trạng không thu hồi được vốn và việc sản xuất kinh doanh không được liên tục.

3.5.7. Tính lương và các khoản trích theo lương tại bộ phận quản lý:

Việc Công ty không tiến hành hạch toán các khoản trích theo lương đối với công nhân viên ký hợp đồng lao động từ 12 tháng trở lên là vi phạm chế độ. Đồng thời, điều đó không hợp lý vì nó gây ra biến động về chi phí cho doanh nghiệp. Việc không trích các khoản trích theo lương sẽ làm giảm chi phí của doanh nghiệp, dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ tăng lên.

Công ty tính lương cho bộ phận bán hàng theo hợp đồng. Doanh nghiệp sử dụng hệ số lương theo quy định riêng của công ty.

Phương pháp hạch toán như sau:

- Tính lương:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 334: Lương phải trả CNV

- Các khoản trích theo lương:

+ Trừ vào lương của cán bộ nhân viên:

Nợ TK 334: Phải trả CNV

Có TK 338: Phải trả, phải nộp khác (Trừ 8,5% lương), chi tiết: Bảo hiểm xã hội(6%), Bảo hiểm y tế(1,5%), Bảo hiểm thất nghiệp(1%)

+ Tính vào chi phí:

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 338: Phải trả, phải nộp khác (Trừ 22% vào chi phí), chi tiết: Kinh phí Công đoàn: 2%, Bảo hiểm xã hội: 16%, Bảo hiểm y tế: 3%, Bảo hiểm thất nghiệp: 1%

Riêng với Bảo hiểm thất nghiệp: Theo quy định của luật bảo hiểm xã hội thì mức đóng bảo hiểm thất nghiệp được quy định như sau: người lao động đóng bảo hiểm thất nghiệp bằng 1% tiền lương, tiền công tháng; doanh nghiệp đóng bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng và Nhà nước sẽ hỗ trợ từ ngân sách bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công tháng.

Doanh nghiệp trích lương trên nguyên tắc sau: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp trích trên lương cơ bản. Kinh phí công đoàn trích trên lương thực tế.

Công thức:

$$\begin{aligned} \text{Lương cơ bản theo ngày công thực tế} &= \frac{\text{Lương cơ bản}}{24 \text{ ngày}} \times \text{Ngày công thực tế} \\ \text{Tổng lương} &= \text{Lương cơ bản theo ngày công thực tế} + \text{Các khoản phụ cấp} \end{aligned}$$

CÔNG TY TNHH TMDV NAM CƯỜNG
200 Cầu Đất, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG
Tháng 5/2010

S T T	Họ và tên	Chức đanh	Lương 1 NC	Ngày công thực tế	Lương cơ bản theo ngày công thực tế	Phụ cấp	Tổng lương	Tạm ứng	Thưởng	Thực lĩnh	Ký nhận
1	Trần Hoài Nam	Giám đốc	100.000	26	2.600.000	300.000	2.900.000			2.900.000	
2	Ngô Vi Quang	PGĐ	75.000	26	1.950.000	250.000	2.200.000			2.200.000	
3	Trần Văn Minh	Kỹ thuật	65.000	26	1.690.000	200.000	1.890.000			1.890.000	
4	Nguyễn Minh Khôi	Kỹ thuật	55.000	26	1.430.000	100.000	1.530.000			1.530.000	
5	Bùi Đức Nam	Kỹ thuật	55.000	26	1.430.000	100.000	1.530.000			1.530.000	
6	Phạm Xuân Thành	Kỹ thuật	60.000	26	1.560.000	100.000	1.660.000			1.660.000	
7	Đình Văn Cường	Kỹ thuật	50.000	26	1.300.000	100.000	1.400.000			1.400.000	
8	Vũ Thị Hồng Nhung	Kế Toán	55.000	26	1.430.000	200.000	1.630.000			1.630.000	
	Tổng cộng		515.000	208	13.390.000	1.350.000	14.740.000	-	-	14.740.000	

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Hải Phòng, ngày 31 tháng 5 năm 2010

Giám đốc
(Ký, đóng dấu)

Trình tự hạch toán:

- Tính lương tháng 5 cho bộ phận quản lý
 - Nợ TK 642 : 14.740.000
 - Có TK 334 : 14.740.000
- Trích các khoản trích theo lương
 - Nợ TK 642 : 3.095.400
 - Nợ TK 334 : 1.105.500
 - Có TK 338: 4.200.900
- DN nên áp dụng chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho cán bộ công nhân viên, cụ thể với bộ phận quản lý, doanh nghiệp định khoản như sau:
 - Nợ TK 642 : 3.242.800
 - Nợ TK 334 : 1.252.900
 - Có TK 338 : 4.495.700

3.5.8. Chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006:

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường là một doanh nghiệp nhỏ với số vốn điều lệ chỉ có 1.2 tỷ (Theo quy định doanh nghiệp vừa và nhỏ có số vốn dưới 10 tỷ đồng và số lượng lao động dưới 300 người), công ty kinh doanh mặt hàng về lĩnh vực công nghệ thông tin, việc kinh doanh, và bộ máy quản lý không phức tạp, các khâu đều gọn nhẹ nhằm tiết kiệm chi phí. Vì vậy công ty cũng sử dụng số lượng tài khoản đơn giản. Hiện nay công ty đang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 15/2006. Tuy nhiên xuất phát từ thực tế sản xuất và kinh doanh của công ty hiện nay, công ty nên xem xét đến việc chuyển sang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo QĐ 48/2006 do Bộ tài chính ban hành ngày 14/9/2006. Khi chuyển sang chế độ kế toán theo QĐ 48/2006, công ty có thể:

- Hợp lý hệ thống tài khoản: Quyết định 48 gồm 51 tài khoản cấp 1 và 5 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán (Quyết định 15 có 86 tài khoản cấp 1 và 6 tài khoản ngoài Bảng cân đối kế toán). Do số lượng tài khoản kế toán ít hơn nên kết cấu và nội dung phản ánh của nhiều tài khoản theo Quyết định 48 phức tạp hơn so với các tài khoản tương tự của Quyết định 15. Ví dụ: Tài khoản 154 - Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, tài khoản 211- Tài sản cố định, tài khoản 221- Đầu tư tài chính dài hạn, tài khoản 341- Vay, nợ dài hạn, tài khoản 521- Các khoản giảm trừ doanh thu, tài khoản, 642- Chi phí quản lý kinh doanh,...

- Hợp lý việc ghi chép và phản ánh số liệu: Hệ thống tài khoản phù hợp với công tác hạch toán hơn và thuận lợi hơn cho việc ghi chép và phản ánh số liệu các tài khoản.

- Hợp lý trong việc lập báo tài chính:

- * Báo cáo tài chính bắt buộc phải lập:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01 - DNN)

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02 - DNN)

- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (Mẫu số B09 - DNN)

- Phụ biểu – Bảng cân đối tài khoản (Mẫu số F01 - DNN gửi cơ quan thuế)

- * Báo cáo tài chính khuyến khích lập:

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03 - DNN)

KẾT LUẬN

Trong điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường cùng với những lý luận đã được học tại trường đã giúp em nhận thức được vai trò quan trọng của công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng. Trong quá trình thực tập tại công ty được sự quan tâm giúp đỡ của ban lãnh đạo, đặc biệt là các cô chú, các anh chị cán bộ công nhân viên phòng kế toán đã giúp em học hỏi được rất nhiều về thực hành kế toán. Cùng với các thầy, các cô trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này.

Nội dung của đề tài khóa luận này là rất rộng và phức tạp, đòi hỏi phải có những kinh nghiệm thực tiễn. Với trình độ có hạn, thời gian thực tập và nghiên cứu còn hạn chế do vậy bài làm của em không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đóng góp cũng như sự cảm thông từ phía các thầy, các cô.

Em xin chân thành gửi lời cảm ơn sâu sắc đến TS. Trần Văn Hợi đã trực tiếp hướng dẫn em cùng các thầy cô giáo trong khoa, các cán bộ công nhân viên trong công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này và có cơ hội được tìm hiểu sâu hơn về thực tế công tác kế toán tại công ty.

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Hương Liên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp (ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)
2. Kế toán tài chính (tái bản lần thứ 4 đã chỉnh lý bổ sung theo thông tư số 23/2005/TT-BTC ban hành ngày 30/03/2005)
3. Kế toán doanh nghiệp (theo luật kế toán mới – nhà xuất bản thống kê Hà Nội)
4. Các khoá luận năm trước
5. Các sổ sách, chứng từ kế toán tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường
6. Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ (TS. Phạm Duy Đoàn – nhà xuất bản tài chính)

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I: LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP VÀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH	14
1.1. Vài nét về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh:	14
1.1.1. Doanh thu:	14
1.1.1.1. Khái niệm:	14
1.1.1.2. Các loại doanh thu, các phương thức bán hàng và thời điểm ghi nhận doanh thu:	14
1.1.1.3. Các yếu tố làm giảm doanh thu của doanh nghiệp	16
1.1.2. Chi phí kinh doanh của doanh nghiệp	18
1.1.2.1. Khái niệm:	18
1.1.2.2. Các loại chi phí:	18
1.1.3. Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp:	21
1.2. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh	23
1.3. Hạch toán kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh	24
1.3.1. Kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu	24
1.3.1.1. Kế toán doanh thu, thu nhập	24
1.3.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu	27
1.3.2. Kế toán chi phí	28
1.3.2.1. Tổ chức công tác kế toán giá vốn hàng bán:	28
1.3.2.2. Tổ chức công tác kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	33
1.3.2.4. Tổ chức công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác	36
1.3.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh	37
CHƯƠNG II: CÔNG TÁC TỔ CHỨC HẠCH TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM CƯỜNG	43
2.1. Khái quát chung về công ty:	43
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:	43
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:	46
2.2. Tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:	55
2.2.1. Kế toán doanh thu tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:	55
2.2.2. Kế toán chi phí tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:	69
2.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán	69
2.2.2.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	74
2.2.3. Kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính	78
2.2.4. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác:	80

2.2.5. Kế toán xác định kết quả kinh doanh:.....	80
CHƯƠNG III: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ, XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NAM CƯỜNG.....	95
3.1. Đánh giá chung về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường	95
3.1.1. Ưu điểm:.....	95
3.1.2. Hạn chế:.....	96
3.2. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường.....	98
3.3. Sự cần thiết phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:.....	99
3.4. Nguyên tắc hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường:.....	100
3.5. Các biện pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại dịch vụ Nam Cường	101
3.5.1. Kiến nghị 1: Về việc luân chuyển chứng từ.....	101
3.5.2. Kiến nghị 2: Về hệ thống sổ kế toán:.....	101
3.5.3. Kiến nghị 3: Về hiện đại hoá công tác kế toán và đội ngũ kế toán:	107
3.5.4. Kiến nghị 4: Về chính sách ưu đãi khách hàng trong tiêu thụ hàng hoá.....	108
3.5.5. Kiến nghị 5: Về trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi.....	109
3.5.6. Mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hoá của công ty:	110
3.5.7. Tính lương và các khoản trích theo lương tại bộ phận quản lý:.....	111
3.5.8. Chuyển sang áp dụng chế độ kế toán theo QĐ 48/2006:	115
KẾT LUẬN	116
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	117